

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THAN
TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài – Vinacomin (dưới đây gọi là “Công ty”) được thành lập theo Luật doanh nghiệp và theo Quyết định số 42/1999/QĐ-BCN ngày 16 tháng 7 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Xí nghiệp Than Cẩm Phả thuộc Công ty Than Quảng Ninh thành Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài.

2. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài- Vinacomin được xây dựng trên cơ sở:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

3. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua vào ngày 26... tháng 4... năm 2014... ;

4. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành các hoạt động kinh doanh .

CHƯƠNG I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ, thuật ngữ trong Điều lệ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được viết tắt là “HDQT”.

b) "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

c) “V n i u l ” có ngh a là t ng giá tr m nh giá c ph n ã bán ho c do t t c các c ông óng góp, ho c ng ký mua khi thành l p doanh nghi p;

d) "Lu t doanh nghi p" có ngh a là Lu t doanh nghi p s 68/2014/QH13 c Qu c h i thông qua ngày 26 tháng 11 n m 2014.

) “Lu t ch ng khoán” có ngh a là Lu t ch ng khoán s 70/2006/QH11 c Qu c h i thông qua ngày 26/6/2009; Lu t ch ng khoán s a i b sung s 62/2010/QH 12 c Qu c h i thông qua ngày 24/11/2010

e) "Ngày thành l p" có ngh a là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p l n u.

g) "Pháp lu t" là t t c các v n b n quy ph m pháp lu t c quy nh t i Lu t ban hành v n b n quy ph m pháp lu t.

h) “Ng i qu n lý công ty” có ngh a là Ch t ch H QT, thành viên H QT, giám c và cá nhân gi ch c danh qu n lý khác có th m quy n nhân danh Công ty ký k t giao d ch c a Công ty theo quy nh t i i u l này.

i) "Ng i có liên quan" có ngh a là b t k cá nhân ho c t ch c nào c quy nh trong Kho n 17 i u 4 c a Lu t doanh nghi p; Kho n 34 i u 6 c a Lu t Ch ng khoán.

k) "C ông" có ngh a là m i t ch c hay cá nhân s h u ít nh t m t c ph n c a Công ty và ph i c ghi tên trong S ng ký c ông.

l) “C t c” là kho n l i nhu n rông c tr cho m i c ph n b ng t i n m t ho c b ng tài s n khác t ngu n l i nhu n còn l i c a Công ty sau khi ã th c hi n ngh a v v tài chính.

m) "Th i h n ho t ng" có ngh a là th i h n ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 c a i u l này và th i gian gia h n (n u có) c thông qua b ng m t ngh quy t c a i h i ng c ông.

n) "Vi t Nam" có ngh a là n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam.

2. Trong i u l này, b t k m t tham chi u nào t i b t k m t i u kho n ho c v n b n nào s bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th chúng. Tr ng h p các v n b n pháp quy i u ch nh các n i dung liên quan n i u l này b s a i, b sung, thay th thì nh ng n i dung liên quan trong i u l này s c th c hi n theo n i dung s a i, b sung, thay th c a v n b n pháp quy ó. i h i ng c ông l n g n nh t sau ó ph i s a l i i u l cho phù h p.

3. Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n t i n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này.

4. Các t ho c thu t ng c nh ngh a trong Lu t doanh nghi p (n u không mâu thu n v i ch th ho c ng c nh) s có ngh a t ng t trong i u l này.

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty

1. Tên công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM Á MÀI-VINACOMIN

a) Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM Á MÀI-VINACOMIN

b) Tên tiếng Anh: VINACOMIN-TAY NAM DA MAI COAL JOINT STOCK COMPANY.

c) Tên giao dịch: VINACOMIN-TAY NAM DA MAI COAL JOINT STOCK COMPANY.

d) Tên viết tắt: TANADACOAL

2. Công ty có biểu tượng riêng như sau: (in biểu tượng của Công ty)



3. Công ty là công ty cổ phần có trách nhiệm pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Công ty là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam do Tập đoàn chi phối thông qua đại diện quản lý cổ phần chi phối của Công ty, thông qua thẩm định của Tập đoàn hoặc thông qua các quy định chi phối khác theo quy định của pháp luật và quy định của Tập đoàn.

Tài nguyên, trữ lượng than do Công ty khai thác là tài sản thu của Nhà nước giao cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là di sản của Nhà nước không tính vào giá trị tài sản của Công ty. Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam giao cho Công ty quản lý tài nguyên, trữ lượng than này và hàng năm Công ty khai thác than cho Tập đoàn theo Hợp đồng giữa Tập đoàn và Công ty.

5. Công ty được phép sử dụng nhãn hiệu “TKV” và “VINACOMIN” của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam trên các sản phẩm của Công ty bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo Quy định sử dụng nhãn hiệu của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và quy định của pháp luật.

Ngoài các quy định trong điều lệ này, Công ty có trách nhiệm thực hiện các quy định và nghĩa vụ của công ty con đối với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định quản lý trong nội bộ Tập đoàn mà Công ty là một thành viên.

6. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại: 033 3862 229
- Fax: 033 3860 641
- E-mail: taynamdamai@gmail.com
- Website: taynamdamai.com.vn

7. Giám đốc Công ty là người đi n theo pháp luật của Công ty.

8. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các bàn kinh doanh theo các chỉ dẫn các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

9. Từ khi chấm dứt hoạt động theo điều 51 của Điều lệ này, thì hình thức hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi ích cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, mở rộng quy mô lợi ích cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Khai thác và thu gom than công nghiệp
- Khai thác và thu gom than non
- Sản xuất than bitumens và quang học
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác
- Xây dựng công trình kết cấu dân dụng khác
- Sản xuất các sản phẩm kim loại đúc sẵn
- Sản xuất máy móc, thiết bị
- Sản xuất thiết bị điện
- Sản xuất và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trâu bò, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
- Sản xuất thiết bị khác
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và theo các biện pháp thích hợp để thực hiện các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác của pháp luật cho phép và các lĩnh vực công thông qua.

Ch ơ ng II:
V N I U L , C P H N , C Ô N G S Á N G L P

i u 5. V n i u l , c p h n , c ô n g s á n g l p

1. V n i u l :

a) V n i u l c a Công ty là 160.000.000.000 VNĐ (b ơ ng ch : M t tr m sáu m i t ơ ng). V n i u l c a Công ty c chia thành 16.000.000 c p h n v i m nh giá là 10.000 VNĐ /c p h n.

b) Công ty có th thay i m c v n i u l (t ơ ng, gi m v n i u l) khi c i h i ơ ng c ô n g thông qua và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.

2. C p h n:

a) Các c p h n c a Công ty vào ngày thông qua i u l này u là c p h n ph thông, k c các c p h n do Nhà n c n m gi . Các quy n và ngh a v kèm theo c p h n ph thông c quy nh t i i u 11, i u 12 c a i u l này.

b) Công ty có th phát hành các lo i c p h n u ãi khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ơ ng c ô n g và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.

c) C p h n ph thông không th chuy n i thành c p h n u ãi. C p h n u ãi có th chuy n i thành c p h n ph thông khi c i h i c ơ ng c ô n g thông qua.

3. C ô n g s á n g l p là c ô n g tham gia xây d ơ ng, thông qua và ký tên vào b n i u l u tiên c a Công ty. Tên, a ch , s l ơ ng c p h n và các chi ti t khác c a các c ô n g s á n g l p c nêu t i ph l c ính kèm i u l này. Tr ơ ng h p c ô n g s á n g l p chuy n nh ơ ng c p h n theo quy nh t i i u 7 i u l này, thì ơ ng nhiên không còn là c ô n g s á n g l p c a Công ty, c ô n g nh n chuy n nh ơ ng c p h n có các quy n và trách nhi m theo quy nh c a pháp lu t và quy nh t i i u l này.

i u 6. Chào bán, bán, mua l i c p h n , phát hành ch ơ ng khoán

1. Chào bán c p h n:

a) Chào bán c p h n là vi c Công ty t ơ ng thêm s l ơ ng c p h n c quy n chào bán và bán các c p h n ó trong quá trình ho t ơ ng t ơ ng v n i u l .

b) Chào bán c p h n t ơ ng v n i u l c th c hi n theo m t trong các hình th c quy nh t i Kho n 2, i u 122 Lu t doanh nghi p g m:

(i) Chào bán cho các c ô n g hi n h u

(ii) Chào bán ra công chúng

(iii) Chào bán c p h n riêng l

c) Việc chào bán cổ phần của công ty thực hiện theo các quy định tại các điều 122, 123, 124 của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật về kế toán.

2. Bán cổ phần

Hiện quy định quy định về hình thức, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá trị thị trường chào bán hoặc giá trị ghi trong sổ sách của công ty tại thời điểm giao dịch, trừ trường hợp quy định tại điều 125 Luật doanh nghiệp phù hợp với hiện trạng công ty thu nhập.

3. Mua lại cổ phần

Theo quy định của hiện trạng công ty, Công ty có thể mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định tại điều 130 Luật doanh nghiệp. Công ty mua lại theo quy định tại điều 129, 130 Luật doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4, điều 111 Luật doanh nghiệp. HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của luật này và Luật kế toán và văn bản hướng dẫn liên quan. Trường hợp HĐQT không thực hiện chào bán, Công ty phải làm thủ tục chuyển nhượng vốn nội bộ theo quy định về giá trị danh sách cổ phần của Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về kế toán có quy định khác.

4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi hiện trạng công ty thông qua bảng cân đối và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và thủ tục kế toán.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các chứng chỉ chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Tỷ lệ suất lãi của Nhà đầu tư nước ngoài là 35% vốn nội địa.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể chuyển nhượng trừ khi điều này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về kế toán và thủ tục kế toán.

2. Công ty chưa thanh toán nợ không được chuyển nhượng và hình thức quy định liên quan như quy định về nợ, quy định về quy định, quy định về phí phát hành chứng khoán và quy định về chi phí, quy định về mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập, các công ty sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty tại thời điểm ký doanh nghiệp. Công ty sáng lập có quyền chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho công ty sáng lập khác. Trường hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là công ty sáng lập thì công ty phải có sự đồng ý của hiện trạng công ty. Trong trường hợp này, công ty được

chuyển nhượng công phần không có quy định cụ thể về việc chuyển nhượng các công phần đó và người nhận chuyển nhượng tự nhiên trở thành công đồng sáng lập của Công ty.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp), tất cả các công phần chuyển nhượng đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Công phiếu niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phiếu chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Ghi ý chuyển nhượng phiếu bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đi kèm quy định của họ ký. Bên chuyển nhượng văn bằng sổ sách công phần có liên quan cho bên nhận chuyển nhượng khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký công (trên danh sách bên chuyển nhượng quy định cho bên nhận chuyển nhượng tham dự hội đồng đi kèm ra trong thời gian đó theo quy định của Luật doanh nghiệp).

5. Trong trường hợp một công đồng bất hợp tác quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, nhà đăng ký thì không thể thực hiện quản lý tài sản của người chết, người mất tích sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc nhà đăng ký) duy nhất có quyền hoặc hành vi liên quan đến công phần, nhà đăng ký này không ghi tên tài sản của công đồng chết, mất tích khi miễn trách nhiệm giải ngân về bất kỳ công phần nào mà người đó nắm giữ. Trường hợp công phần của công đồng bất hợp tác, mất tích mà không có người thừa kế thì công phần đó sẽ được quy định theo quy định của pháp luật dân sự.

6. Công đồng có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ công phần của mình cho Công ty cho người khác; số đăng ký công phần trên. Trường hợp này, người tặng cho hoặc nhận chuyển nhượng công phần là công đồng của Công ty.

7. Trường hợp công đồng chuyển nhượng một số công phần thì công đồng phải báo và Công ty phải phát hành công phiếu mới ghi nhận số công phần đã chuyển nhượng và số công phần còn lại.

Điều 8. Thủ tục và thanh toán mua công phần

1. Trường hợp công đồng không thanh toán đầy đủ và ứng hiện số tiền phải trả mua công phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quy định yêu cầu công đồng thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và nhà đăng ký phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tính từ ngày là 07) ngày kể từ ngày ghi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số công phần chưa thanh toán hết số thu hồi.

3. Nếu sau thời hạn quy định, công đồng chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số công phần đã đăng ký mua thì thực hiện như sau:

a) Công ch a thanh toán toàn b s c ph n ã ng ký mua s ng nhiên không còn là c ông c a Công ty và không c chuy n nh ng quy n mua c ph n ó cho ng i khác;

b) Công ch thanh toán m t ph n s c ph n ã ng ký mua s có quy n bi u quy t, nh n l i t c và các quy n khác t ng ng v i s c ph n ã thanh toán; không c chuy n nh ng quy n mua s c ph n ch a thanh toán cho ng i khác;

c) S c ph n ch a thanh toán c coi là c ph n ch a bán và H i ng qu n tr có quy n thu h i và quy t nh ph ng án x lý ti p theo. .

4. C ph n b thu h i c coi là các c ph n c quy n chào bán. H i ng qu n tr có th tr c ti p ho c y quy n bán, tái phân ph i ho c gi i quy t cho ng i ã s h u c ph n b thu h i ho c các i t ng khác theo nh ng i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p.

5. Công n m gi c ph n b thu h i do ch a thanh toán ho c ch a thanh toán s c ph n ã ng ký s ph i t b t cách c ông i v i nh ng c ph n ó, nh ng v n ph i thanh toán t t c các kho n ti n có liên quan c ng v i ti n lãi (tính theo lãi su t ti ng i không k h n VN t i ngân hàng mà Công ty m tài kho n) vào th i i m thu h i theo quy t nh c a H i ng qu n tr k t ngày thu h i cho n ngày th c hi n thanh toán. H i ng qu n tr có toàn quy n quy t nh vì c c ng ch thanh toán toàn b giá tr c phi u vào th i i m thu h i ho c có th m i n gi m thanh toán m t ph n ho c toàn b s ti n ó.

6. Thông báo thu h i s c gi n ng i n m gi c ph n b thu h i tr c th i i m thu h i. Vi c thu h i v n có hi u l c k c trong tr ng h p có sai sót ho c b t c n trong vi c gi thông báo.

7. Công ch a thanh toán ho c ch a thanh toán s c ph n ã ng ký mua ph i ch u trách nhi m t ng ng v i t ng giá tr m nh giá c ph n ã ng ký mua i v i các ngh a v tài chính c a công ty phát sinh cho n khi c ph n b thu h i.

i u 9. Ch ng nh n c phi u, s ng ký c ông

1. Công c a Công ty c c p ch ng nh n c phi u t ng ng v i s c ph n và lo i c ph n s h u.

2. Ch ng nh n c phi u ph i có d u c a Công ty và ch ký c a i di n theo pháp lu t c a Công ty theo các quy nh t i Lu t doanh nghi p. Ch ng nh n c phi u ph i ghi rõ s l ng và lo i c phi u mà c ông n m gi , h và tên ng i n m gi và các thông tin khác theo quy nh t i Kho n 1, i u 120 c a Lu t doanh nghi p.

3. Trong th i h n 30 ngày k t ngày n p y h s ngh chuy n quy n s h u c ph n theo quy nh c a Công ty ho c trong th i h n hai tháng (ho c có th lâu h n theo i u kho n phát hành quy nh) k t ngày thanh toán y ti n mua c ph n theo nh quy nh t i ph ng án phát hành c phi u c a

Công ty, người sử dụng các phương tiện công nghệ hiện đại. Người sử dụng các phương tiện không phải trả cho công ty chi phí in ấn công nghệ hiện đại hoặc bất kỳ khoản phí gì.

4. Trường hợp công nghệ hiện đại hoặc công nghệ xóa hoặc ảnh hưởng, mất hoặc tiêu hủy, người sử dụng phải có thể yêu cầu các phương tiện hiện đại mới và chi phí liên quan cho Công ty.

5. Công nghệ hiện đại hoặc các công nghệ khác của Công ty (trừ các thủ tục bán, các công nghệ mới và các tài liệu kỹ thuật), sẽ được phát hành có dấu và ký hiệu của người đi theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều kiện và điều kiện phát hành quy định khác.

6. Sản phẩm ký hiệu:

a) Công ty lập và lưu giữ sản phẩm ký hiệu ngày các phương tiện công nghệ hiện đại ký hiệu doanh nghiệp. Công nghệ thông tin và công nghệ khác có thể được ký hiệu vào các sản phẩm khác nhau. Sản phẩm ký hiệu ít nhất phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở chính của Công ty.
- Tên sản phẩm và quy định phát hành, loại sản phẩm và quy định phát hành và tên sản phẩm và quy định phát hành của từng loại.
- Tên sản phẩm đã phát hành từng loại và giá trị vận chuyển sản phẩm đã góp.

- Tên công nghệ được sản xuất theo vận hành cái, địa chỉ thủ tục, quốc tịch, số thành viên công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác nếu việc công nghệ là cá nhân, mã số doanh nghiệp hoặc số quy định thành lập, địa chỉ trụ sở chính nếu việc công nghệ là tổ chức, số đăng ký phát hành từng loại của công nghệ, ngày ký hiệu sản phẩm.

b) Sản phẩm ký hiệu có thể lập và lưu trữ vận chuyển hoặc vận chuyển để lưu trữ hai. Sản phẩm ký hiệu có thể lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc nơi khác như phi thông báo vận chuyển cho các quan hệ ký kinh doanh và tất cả các công nghệ. Các công nghệ có quy định xem xét và nhận xét bản sao danh sách công nghệ Công ty trong giới hạn vì tính liên lạc lưu giữ sản phẩm ký hiệu.

7. Trường hợp công nghệ có thay đổi địa chỉ thủ tục thì phải thông báo kịp thời về Công ty để nhập vào sản phẩm ký hiệu. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc về việc công nghệ do không được thông báo thay đổi địa chỉ của công nghệ.

Chương III:

CÁC UT CH C, QUẢN TR VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Các ut ch c, quản tr và kiểm soát của Công ty

1. Các ut ch c quản lý, quản tr và kiểm soát của Công ty bao gồm:
 - a) Hệ thống công nghệ là cơ quan quy định cao nhất của Công ty;

b) Hội đồng quản trị do Hội đồng công bố ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quy định và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Hội đồng;

c) Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quy định và nhiệm vụ công giao;

d) Ban kiểm soát do Hội đồng công bố ra thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng công bố trong thực hiện các nhiệm vụ công giao.

2. Cấu trúc của các chi nhánh và văn phòng đi kèm của Công ty quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị do HĐQT Công ty ban hành.

Mục 1:

CÔNG VÀ HỘI ĐỒNG CÔNG

Điều 11. Quy định của công

1. Công là chủ sở hữu Công ty, có các quy định và nghĩa vụ tương ứng theo số phần và loại phần mà sở hữu. Công chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận có các quy định sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Hội đồng công và thực hiện quy định quy tắc tiếp thị Hội đồng công hoặc thông qua điều kiện quy định hoặc thực hiện biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, biểu quyết điện hoặc hình thức khác. Mọi phân phối lợi nhuận có mặt phải biểu quyết;

b) Nhận cổ tức lợi nhuận theo số phần sở hữu tương ứng vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty và theo quy định của Hội đồng công;

c) Chuyển nhượng phần vốn của thành viên theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 7 Điều lệ này;

d) Ưu tiên mua các phần vốn chào bán tương ứng với loại phần phân phối mà sở hữu, trừ trường hợp Hội đồng công quyết định bán các phần vốn cho các công nhân;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến công trong danh sách công có quy định quy tắc cách tham gia Hội đồng công và yêu cầu của các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục hồ sơ sao chép từ Công ty, biên bản họp hội đồng và các quy tắc hành vi hội đồng;

g) Trường hợp Công ty ghi thiếu hoặc sai sót, công nhân mất tài sản còn lại trong ngày sẽ phải bồi thường vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nhân và các công nhân mất tài sản khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua bảo hiểm nhân thọ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều 129 của Luật doanh nghiệp;

i) Các quy định khác theo quy định của Điều này và pháp luật.

3. Công đồng hoặc nhóm công nhân mất 5% trở lên tổng số phần trăm trong thời hạn liên tục 06 (Sáu) tháng trở lên, có các quy định sau:

a) Các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định trong Điều 5, Điều 24, Khoản 5 Điều 32 Điều này;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập hội đồng theo các quy định tại Khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các công đồng có quy định tham dự và biểu quyết hội đồng;

d) Xem xét và trích lục biên bản và các quy tắc của HĐQT, báo cáo tài chính gần nhất và hàng năm theo mục a) của kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

e) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra tình hình liên quan nhân sự, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, chức vụ, quốc tịch, số thuế thu nhập cá nhân, giấy chứng minh nhân dân, họ chữ họ hoặc chức vụ cá nhân hợp pháp khác nếu là công nhân là cá nhân; tên, địa chỉ, chức vụ, quốc tịch, quy tắc thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính nếu là tổ chức; số lượng phần trăm và thời hạn ký kết phần trăm của Công ty, tổng số phần trăm của nhóm công đồng và tất cả những người trong tổng số phần trăm của Công ty; văn bản kiểm tra, mục đích kiểm tra;

f) Công đồng có thể quy định cho thành viên HĐQT làm nhiệm vụ cho mình tại hội đồng.

g) Các quy định khác của quy định Luật Doanh nghiệp và Điều này.

4. Quy định của công nhân mất (nếu có) sẽ do hội đồng công đồng quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ của công đồng

1. Tuân thủ Điều này và các quy định của Công ty; chấp hành các quy định, quy tắc hành vi hội đồng và HĐQT Công ty;

2. Thanh toán tiền mua chứng khoán theo quy định; không rút vốn đã góp bằng chứng khoán ra khỏi Công ty dưới bất kỳ hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại chứng khoán. Trường hợp công đồng rút

m t p h n h o c t o à n b v n c p h n ã g ó p t r á i v i q u y n h t i k h o n n à y t h i c á c t h à n h v i ê n H Q T v à n g i i d i n t h e o p h á p l u t c a C ô n g t y p h i c ù n g l i ê n i c h u t r á c h n h i m v c á c k h o n n v à n g h a v t à i s n k h á c c a C ô n g t y t r o n g p h m v i g i á t r c p h n ã b r ú t v à c á c t h i t h i x y r a ;

3. C u n g c p a c h c h í n h x á c k h i n g k ý m u a c p h n ;

4. C h u t r á c h n h i m c á n h â n k h i n h â n d a n h C ô n g t y d i m i h ì n h t h c t h c h i n m t t r o n g c á c h à n h v i s a u â y :

a) V i p h m p h á p l u t ;

b) T i n h à n h k i n h d o a n h v à c á c g i a o d c h k h á c t l i h o c p h c v l i í c h c a t c h c , c á n h â n k h á c ;

c) T h a n h t o á n c á c k h o n n c h a n h n t r c n g u y c t à i c h í n h c ó t h x y r a i v i C ô n g t y .

5. T h a m d c á c c u c h p i h i n g c ô n g v à t h c h i n q u y n b i u q u y t t r c t i p h o c t h ô n g q u a i d i n c y q u y n ; t h a m d v à b i u q u y t t h ô n g q u a h i n g h t r c t u y n , b p h i u i n t h o c h ì n h t h c i n t k h á c .

6. H o à n t h à n h c á c n g h a v k h á c d o l u t p h á p q u y n h v à i u l n à y .

i u 13. i h i n g c ô n g

1. i h i n g c ô n g l à c q u a n c ó t h m q u y n c a o n h t c a C ô n g t y v à g m t t c c á c c ô n g c ó q u y n b i u q u y t . i h i n g c ô n g t h n g n i ê n c t c h c m i n m m t l n v à p h i h p t r o n g t h i h n b n t h á n g , k t n g à y k t t h ú c n m t à i c h í n h . T h e o n g h c a H Q T , c q u a n n g k ý k i n h d o a n h (h o c c p c ó t h m q u y n) c ó t h g i a h n , n h n g k h ô n g q u á s á u t h á n g , k t n g à y k t t h ú c n m t à i c h í n h . i h i n g c ô n g t h n g n i ê n k h ô n g c t c h c d i h ì n h t h c l y ý k i n b n g v n b n . N g o à i c u c h p t h n g n i ê n , i h i n g c ô n g c ó t h h p b t t h n g .

2. H i n g q u n t r t c h c t r i u t p h p i h i n g c ô n g t h n g n i ê n v à l a c h n a i m p h ù h p n h n g p h i t r ê n l ã n h t h V i t N a m . i h i n g c ô n g t h n g n i ê n q u y t n h n h n g v n c l u t p h á p v à i u l n à y q u y n h . c b i t , c á c c ô n g s t h ô n g q u a c á c b á o c á o t à i c h í n h h à n g n m c a C ô n g t y v à d t o á n n g â n s á c h t à i c h í n h c h o n m t à i c h í n h t i p t h e o . C á c k i m t o á n v i ê n c l p c m i t h a m d i h i t v n c h o v i c t h ô n g q u a c á c b á o c á o t à i c h í n h h à n g n m .

3. H Q T p h i t r i u t p h p i h i n g c ô n g b t t h n g t r o n g c á c t r n g h p s a u â y :

a) H Q T x é t t h y c n t h i t v ì l i í c h c a C ô n g t y ;

b) V i c t r i u t p l à c n t h i t n u c á c k i m t o á n v i ê n c l p c c h n h n g h t h o l u n v b á o c á o k i m t o á n h o c v t ì n h h ì n h t à i c h í n h c a C ô n g t y v à H Q T c n g n h n t h y n h v y ;

c) Ban giám đốc kiểm toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc năm hoặc báo cáo kiểm toán các năm tài chính phải ảnh hưởng chi số thuế năm tới 30% trở lên số vốn đầu tư;

d) Khi sự thành viên của HĐQT, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong điều lệ;

e) Một công ty hoặc một nhóm công ty như tại Khoản 3 điều 11 của điều lệ này yêu cầu triệu tập hội đồng thành viên. Yêu cầu triệu tập hội đồng thành viên phải nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công văn liên quan hoặc văn bản yêu cầu các lập thành viên, trong đó mô tả nội dung phải có thể ký các tài liệu mà công ty có liên quan.

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cụ thể phải nêu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cao cấp vì phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo điều 160 của Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

4. Thẩm quyền triệu tập hội đồng thành viên:

a) HĐQT phải triệu tập họp hội đồng thành viên trong vòng 30 ngày kể từ ngày sự thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên nêu tại điều khoản 3 điều lệ này, hoặc nếu yêu cầu nêu tại điều khoản 3 hoặc điều khoản 3 điều lệ này.

Trường hợp HĐQT không triệu tập họp hội đồng thành viên theo quy định thì Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm triệu tập và phải chịu trách nhiệm thi hành phát sinh vì lợi ích Công ty.

b) Trường hợp HĐQT không triệu tập họp như quy định tại điều khoản này, thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp hội đồng thành viên theo quy định tại Khoản 5, điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp hội đồng thành viên quy định thì Trưởng ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm triệu tập và phải chịu trách nhiệm thi hành phát sinh vì lợi ích Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp, thì công ty hoặc một nhóm công ty có yêu cầu nêu tại điều khoản 3 của điều lệ này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp hội đồng thành viên.

Trong trường hợp này, công ty hoặc nhóm công ty triệu tập họp hội đồng thành viên có thể ngừng kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của hội đồng thành viên.

d) Người triệu tập phải lập và gửi danh sách công ty có quyền đề nghị hội đồng thành viên, cung cấp thông tin và ghi quyết định liên quan đến danh sách công ty, lập kế hoạch trình và nội dung cụ thể, chuẩn bị tài liệu, xác minh thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến công ty có quyền đề nghị họp theo quy định của điều lệ này.

e) Tất cả các chi phí cho việc tri tuệ và tiến hành hợp nhất công ty Công ty hoàn toàn. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công chi tiêu khi tham dự hội nghị công, các chi phí nhân và lãi.

Điều 14. Quy định và nhiệm vụ của Hội nghị công

1. Hội nghị công thường niên có quy định tổng quát và thông qua:

a) Báo cáo tài chính hàng năm kế toán;

b) Báo cáo của Ban kiểm soát và kết quả kinh doanh của Công ty, và kết quả hoạt động của HĐQT và Giám đốc Công ty;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát viên;

e) Những hướng phát triển của Công ty (kể hoạch dài hạn).

2. Hội nghị công thường niên và bất thường thông qua quy định, nghị quyết bổ sung và sửa đổi các văn bản sau:

a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm kế toán;

b) Mọi quyết toán hàng năm cho mọi loại phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quy định liên quan khác. Mọi quyết định này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị quyết định sau khi đã tham khảo ý kiến các công ty liên quan;

c) Lựa chọn công ty kế toán;

d) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Bầu, bãi miễn, thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

e) Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát;

g) Bổ sung và sửa đổi điều lệ, trừ trường hợp ưu tiên vì điều lệ do bán thêm chứng khoán mới trong phạm vi số lượng chứng khoán quy định chào bán đã được Hội nghị công thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật; và trường hợp ưu tiên vì điều lệ do Công ty mua lại chứng khoán theo quy định của Hội nghị công nếu không thể hiện chào bán.

h) Loại chứng khoán và số lượng chứng khoán mới sẽ phát hành cho mọi loại chứng khoán, và việc chuyển nhượng chứng khoán công khai cho người không phải là công khai trong vòng 3 năm ưu tiên kể từ ngày thành lập;

i) Chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Công ty;

j) Tổ chức và giải thể (thanh lý) Công ty và chức năng Ban/Quốc gia thanh lý;

k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các công ty của Công ty;

l) Quy t nh u t , quy t nh giao d ch mua, bán tài s n c a Công ty ho c chi nhánh có giá tr t 35% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t;

m) Quy t nh vi c góp v n, mua c ph n c a doanh nghi p khác v i t ng giá tr góp v n, mua c ph n t 35% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t ã c ki m toán

n) Công ty mua l i trên 10% t ng s c ph n ã bán c a m i lo i c chào bán trong 12 tháng;

p) Công ty ho c các chi nhánh c a Công ty ký k t h p ng v i nh ng ng i c quy nh t i kho n 1, i u 162 c a Lu t Doanh nghi p v i giá tr b ng ho c l n h n 35% t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t;

q) Các v n khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch khác c a Công ty.

3. Công không c b phi u cho b t k m t ngh quy t nào thông qua:

a) Các h p ng, giao d ch quy nh t i i m p Kho n 2 i u này n u c ông ó ho c ng i có liên quan t i c ông ó là m t bên c a h p ng hay giao d ch;

b) Vi c mua l i c ph n c a c ông ó ho c c a ng i có liên quan n c ông ó tr tr ng h p vi c mua l i c ph n c th c hi n theo t l s h u c a t t c các c ông ho c vi c mua l i c th c hi n thông qua kh p l nh ho c chào mua công khai trên S giao d ch ch ng khoán.

4. T t c các ngh quy t và các v n ã c a vào ch ng trình h p phi c a ra th o lu n và bi u quy t t i i h i ng c ông.

i u 15. Các i di n c u quy n

1. Công là cá nhân, ng i i di n theo u quy n c a c ông là t ch c tr c ti p ho c u quy n b ng v n b n cho m t ng i khác d h p i h i ng c ông. Tr ng h p c ông là t ch c không có ng i i di n theo u quy n theo quy nh t i kho n 4 i u này thì u quy n ng i khác d h p i h i ng c ông. i di n c y quy n không nh t thi t phi là c ông.

2. Vi c ch nh i di n c y quy n phi c l p b ng v n b n theo m u c a Công ty và phi c có ch ký theo quy nh sau ây:

a) Tr ng h p c ông là cá nhân là ng i u quy n thì phi c có ch ký c a c ông ó và ng i c u quy n d h p;

b) Tr ng h p ng i i di n theo u quy n c a c ông là t ch c là ng i u quy n thì gi y y quy n phi c có ch ký c a ng i i di n theo u quy n, ng i i di n theo pháp lu t c a c ông và ng i c u quy n d h p;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đi n theo pháp luật của công và người của quy định hợp;

Người của quy định hợp khi đi n công phải nhập vào sổ quy định khi vào phòng hợp

3. Trường hợp luật thay đổi cho người quy định ký giấy chỉ định đi n, vì các chỉ định đi n trong trường hợp này chỉ coi là cố hữu của người ký chỉ định đó và xu hướng cùng với quy định cho luật hoặc bản sao hợp lệ của quy định (nếu có chữ ký của Công ty).

4. Công là tất cả các quy định mới hoặc mới sửa đổi đi n theo quy định thì chỉ các quy định của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhu cầu mới người đi n theo quy định thì phải xác định các phần và số phiếu của mình đi n. Vì vậy, chỉ mới thay đổi người đi n theo quy định phải thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chi tiết sau đây:

a) Tên, địa chỉ, chức vụ, số và ngày quy định thành lập hoặc ngày của Giấy ký kinh doanh của công;

b) Số lượng phần, loại phần và ngày ký công tại Công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ, chức vụ, số căn cước, giấy chỉ định nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đi n theo quy định;

d) Số phần của quy định đi n;

e) Thời hạn đi n theo quy định;

g) Họ, tên, chữ ký của người đi n theo quy định và người đi n theo pháp luật của công.

Công ty phải ghi thông báo về người đi n theo quy định quy định tại khoản này của quan ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Trường hợp quy định tại Khoản 3 của Điều này, phiếu của quy định của người của quy định hợp trong phạm vi của quy định của cố hữu của ngay cả khi người của quy định:

a) Chết, bệnh nặng hoặc hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Huỷ việc chỉ định quy định;

c) Huỷ thẩm quyền của người chỉ định việc của quy định;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về việc mất trong các trường hợp trên bằng mặt giấy trừ khi khai mạc của hợp khi đi n công hoặc trừ khi của hợp trừ từ phần li.

6. Trường hợp chuyển nhượng trong thời gian tiếp ngày lập xong danh sách công nhân ngày khai m ch p i h i ng c ông thì ng i nh n chuyển nhượng có quy n đ h p i h i ng c ông thay th cho ng i chuyển nhượng i v i s c ph n ã chuyển nhượng.

7. Ng i i di n theo y quy n ph i có các tiêu chu n và i u ki n sau đây:

- a) Có n ng l c hành vi dân s y ;
- b) Không thu c i t ng b c m thành l p và qu n lý doanh nghi p;
- c) Công nhân c n m gi trên 50% v n i u l không c c v hoc ch ng, cha , cha nuôi, m , m nuôi, con , con nuôi, anh ru t, ch ru t, em ru t c a ng i qu n lý và c a ng i có th m quy n b nhi m ng i qu n lý công ty làm ng i i di n theo y quy n t i công ty khác;

8. Trách nhi m c a ng i i di n theo y quy n cho t ch c hoc cá nhân th c hi n theo quy nh c a Pháp lu t, i u l và Quy ch qu n lý c a t ch c c ng i i di n theo y quy n hoc theo yêu c u c a cá nhân y quy n

9. Công c coi là tham d và bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ông trong tr ng h p sau đây:

- a) Tham d và bi u quy t tr c ti p t i cu c h p;
- b) y quy n cho m t ng i khác tham d và bi u quy t t i cu c h p;
- c) Tham d và bi u quy t thông qua h i ngh tr c tuyen, b phi u i n t hoc hình th c i n t khác;
- d) G i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua g i th , fax, th i n t .

i u 16. Thay i các quy n

1. Vi c thay i hoc hu b các quy n c bi t g n li n v i lo i c ph n u ã có hi u l c khi c c ông n m gi ít nh t 51% c ph n ph thông tham d h p thông qua ng th i c c ông n m gi ít nh t 65% quy n bi u quy t c a lo i c ph n u ã nói trên bi u quy t thông qua.

2. Vi c t ch c m t cu c h p c a các c ông n m gi m t lo i c ph n u ã thông qua vi c thay i quy n nêu t i kho n l i u này ch có giá tr khi có t i thi u hai c ông (hoc i di n c y quy n c a h) và n m gi t i thi u m t ph n ba giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ã phát hành. Trường h p không có s i bi u nh nêu trên thì s t ch c h p l i trong vòng ba m i ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p hoc thông qua i di n c u quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p c a c ông n m gi c ph n u ã nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p hoc qua ng i i di n u có th yêu c u b phi u kín và m i ng i khi b phi u kín. M i c ph n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang b ng nhau t i các cu c h p nêu trên.

a) xuất công nhân không ủng hộ thì họ có không, không ủng hộ nội dung;

b) Vào thời điểm xuất, công nhân nhóm công không có từ 5% trở lên các phần thông trong thời gian liên tục 6 tháng trở lên;

c) Việc xuất không thu các phần vì thẩm quyền của hội nghị công nhân ban bố và thông qua.

6. Nguyên tắc pháp hội nghị công nhân chấp nhận và chấp nhận quy định tại Khoản 4 điều này vào điều kiện công trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 điều này. Khi nghị sự chính thức bổ sung vào công trình và nội dung cuộc họp của hội nghị công nhân chấp nhận.

7. Hội nghị quản trị phải chuẩn bị đề nghị quy tắc cho công nhân trong công trình họp.

8. Trường hợp tất cả công nhân đi 100% số các phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đi điều kiện quy định của hội nghị công nhân, nghị quyết của hội nghị công nhân thông qua được coi là hợp lệ các trường hợp vì các nguyên tắc pháp hội nghị công nhân không theo đúng thủ tục nội dung biểu quyết không có trong công trình.

điều 18. Các điều kiện tiến hành họp hội nghị công nhân

1. Cuộc họp hội nghị công nhân tiến hành khi có số công nhân đi điều kiện cho ít nhất 51% tổng số các phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp hội nghị công nhân lần đầu tiên không có số lượng biểu quyết nhất theo quy định tại Khoản 1 điều này, thì trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm mở khai mạc hội nghị, nguyên tắc pháp phục vụ của hội nghị công nhân phải có nguyên tắc pháp lần đầu tiên hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày diễn ra hội nghị công nhân lần đầu tiên. Hội nghị công nhân trực tiếp lịch tiến hành khi có thành viên tham dự là các công nhân và nghị đi điều kiện quy định họp đi điều kiện cho ít nhất 33% tổng số các phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp hội nghị công nhân lần đầu tiên hai không tiến hành do không có số biểu quyết nhất theo quy định tại Khoản 2 điều này thì trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm mở khai mạc hội nghị công nhân lần đầu tiên hai, hội nghị công nhân lần đầu tiên ba các nguyên tắc pháp trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày diễn ra tiến hành hội nghị công nhân lần đầu tiên hai, và trong trường hợp này hội nghị tiến hành không phải thu các vào số lượng công nhân hay đi điều kiện quy định tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quy định tại các các văn bản mà hội nghị công nhân lần đầu tiên hai điều kiện phê chuẩn.

4. Có hội nghị công nhân có quyền thay đổi công trình họp đã công bố kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 điều 17 điều này.

điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại hội nghị công nhân

1. Tr c ho c vào ngày t ch c i h i ng c ông, Công ty ph i th c hi n th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n d h p có m t ng ký h t. Th i gian th c hi n vi c ng ký do H QT quy t nh. Khi ti n hành ng ký c ông, Công ty s c p cho t ng c ông ho c i di n c u quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó có ghi s ng ký, h và tên c a c ông, h và tên i di n c u quy n và s phi u bi u quy t c a c ông ó.

2. C ông ho c ng i c u quy n d h p n sau khi cu c h p ã khai m c c ng ký và có quy n tham gia bi u quy t ngay sau khi ng ký. Ch to không c d ng cu c h p nh ng ng i n mu n ng ký; trong tr ng h p này, hi u l c c a nh ng bi u quy t ã ti n hành không b nh h ng.

3. Ch to , th ký và ban ki m phi u c a i h i ng c ông c quy nh nh sau:

a) i h i ng c ông do H i ng qu n tr tri u t p s do Ch t ch H i ng qu n tr làm Ch t a, tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr v ng m t ho c t m th i m t kh n ng làm vi c thì các thành viên H QT còn l i b u m t ng i trong s h làm ch t a cu c h p theo nguyên t c a s . Tr ng h p không b u c Ch t a thì Tr ng ban ki m soát i u khi n i h i c ông b u Ch t a cu c h p và ng i có s phi u cao nh t làm Ch t a cu c h p.

b) Trong các tr ng h p khác, ng i ký tên tri u t p h p i h i ng c ông i u khi n i h i ng c ông b u Ch to cu c h p và ng i có s phi u b u cao nh t s làm Ch to cu c h p;

c) Ch to c m t ho c m t s ng i làm th ký l p biên b n i h i;

d) i h i i h i ng c ông b u trong s i bi u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u theo ngh c a Ch to ; S thành viên c a Ban ki m phi u do i h i c ông quy t nh c n c ngh c a Ch t a nh ng không v t quá s ng i theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

4. Ch ng trình và n i dung h p phi c i h i ng c ông thông qua ngay trong phiên khai m c. Ch ng trình ph i xác nh rõ và chi ti t th i gian i v i t ng v n trong n i dung ch ng trình h p.

5. Quy t nh c a Ch to v trình t , th t c ho c các s ki n phát sinh ngoài ch ng trình c a i h i ng c ông s mang tính phán quy t cao nh t.

6. i h i ng c ông th o lu n và bi u quy t theo t ng v n trong n i dung ch ng trình c a i h i. Vi c bi u quy t t i i h i c ti n hành b ng cách thu th bi u quy t tán thành ngh quy t, sau ó thu th bi u quy t không tán thành, cu i cùng ki m phi u t p h p s phi u bi u quy t tán thành, không tán thành, không có ý ki n. K t qu ki m phi u s c Ch to thông

báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết và có hồ sơ công bố trước khi bắt đầu thi công.

7. Chủ thầu thi công có thể hoãn hợp thi công ngay cả trong trường hợp đã có sơ bộ biểu quyết tiến hành thi công khác và tiến hành thi công do Chủ thầu quy định mà không cần lý do chính đáng (a) các thành viên tham dự không thể có mặt tại địa điểm thi công, (b) hành vi của nhà thầu có thể làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, (c) các phần tử thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các công việc tham gia, thảo luận và biểu quyết hoặc (d) sự hoãn là cần thiết các công việc của nhà thầu tiến hành một cách hợp lý. Ngoài ra, Chủ thầu có thể hoãn thi công khi có sự bất trí hoặc yêu cầu của nhà thầu đã có sự đồng ý của nhà thầu. Thời gian hoãn thi công không quá ba ngày kể từ ngày diễn khai mặt thi công.

Chủ thầu phải xem xét các công việc trên để quyết định phương pháp thi công tiếp theo.

8. Trường hợp chủ thầu hoãn hoặc tạm dừng thi công trái với quy định trên, nhà thầu có thể khiếu nại khác trong suốt quá trình thi công. Chủ thầu chịu trách nhiệm chi trả chi phí cho nhân lực và thiết bị của nhà thầu không bị ảnh hưởng.

9. Chủ thầu và chủ thầu thi công có quyền thi công các biện pháp cần thiết để duy trì cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã thông qua và phù hợp với mong muốn của các nhà thầu.

10. Nhà thầu có thể yêu cầu các công nhân đi làm việc quy định của nhà thầu chủ thầu kiểm tra hồ sơ các biện pháp an ninh mà Nhà thầu cho là thích hợp. Trường hợp có công nhân đi làm việc quy định không tuân thủ quy định về kiểm tra hồ sơ các biện pháp an ninh nói trên, Nhà thầu sau khi xem xét một cách cần thiết có thể đình chỉ hoặc trục xuất công nhân nói trên tham gia thi công.

11. Nhà thầu, sau khi đã xem xét một cách cần thiết, có thể tiến hành các biện pháp của Nhà thầu cho là thích hợp:

- a) Bức xạ nhiệt tại địa điểm thi công;
- b) Bảo đảm an toàn cho mình và người khác;
- c) Thời gian cho công nhân tham dự (hồ sơ dự kiến) thi công;

Nhà thầu có toàn quyền thay đổi nội dung các biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nêu trên. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào các hồ sơ dự kiến hình thức khác.

12. Trong trường hợp thi công có áp dụng các biện pháp nói trên, Nhà thầu khi xác định địa điểm thi công có thể:

- a) Thông báo rằng địa điểm thi công ghi trong thông báo và chủ thầu có mặt tại địa điểm thi công (“địa điểm chính của thi công”);

b) B trí, t ch c nh ng c ông ho c i di n c u quy n không đ h p c theo i u kho n này ho c nh ng ng i mu n tham gia a i m khác v i a i m chính c a i h i có th ng th i tham đ i h i;

Thông báo v vi c t ch c i h i không c n nêu chi ti t nh ng bi n pháp t ch c theo i u kho n này.

13. Trong i u l này (tr khi hoàn c nh yêu c u khác), m i c ông s c coi là tham gia i h i a i m chính c a i h i.

i u 20. Thông qua ngh quy t c a i h i ng c ông

1. i h i c ông thông qua các quy t nh thu c th m quy n b ng hình th c bi u quy t t i cu c h p ho c l y ý ki n b ng v n b n.

2. Ngh quy t c a i h i ng c ông i v i các v n sau ây ph i c thông qua b ng hình th c bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ông:

- a) S a i, b sung các n i dung c a i u l Công ty;
- b) nh h ng phát tri n Công ty (k ho ch phát tri n dài h n);
- c) Lo i c ph n và t ng s c ph n c a t ng lo i;
- d) B u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H QT, Ban ki m soát;
- e) Ch t ch H QT kiêm Giám c Công ty;

e) Quy t nh đ án u t , giao d ch mua, bán tài s n c a Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua do Công ty ho c chi nhánh th c hi n có giá tr t 35% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t ã c ki m toán;

g) Quy t nh vi c góp v n, mua c ph n c a doanh nghi p khác v i t ng giá tr góp v n, mua c ph n t 35% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t ã c ki m toán;

h) Thông qua báo cáo tài chính hàng n m ã c ki m toán;

i) Các hình th c t ch c l i, gi i th , phá s n Công ty;

3. Ngh quy t v các n i dung sau ây c thông qua khi có t 65% t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c y quy n có m t t i i h i ng c ông:

a) Lo i c ph n và t ng s c ph n c a t ng lo i;

b) Thay i ngành ngh và l nh v c kinh doanh;

c) Thay i c c u t ch c qu n lý Công ty v mô hình ho t ng và Ng i i di n theo pháp lu t quy nh t i i u 134 Lu t Doanh nghi p;

d) Quy t nh đ án u t , giao d ch mua, bán tài s n c a Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua do Công ty ho c chi nhánh th c hi n có giá tr t 35% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t ã c ki m toán;

) Quy t nh vi c góp v n, mua c ph n c a doanh nghi p khác v i t ng giá tr góp v n, mua c ph n t 35% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t ã c ki m toán;

e) Các hình th c t ch c l i, gi i th , phá s n Công ty;

g) S a i, b sung các n i dung c a i u l Công ty;

4. Ngh quy t v các n i dung khác thu c th m quy n c a i h i ng c ông c thông qua khi có t 51% t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c y quy n có m t t i i h i ng c ông tr các n i dung quy nh t i Kho n 3 i u này:

5. Vi c bi u quy t b u thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát c th c hi n theo ph ng th c b u d n phi u c quy nh t i i u 34 i u l này.

6. Ngh quy t, Quy t nh c a i h i ng c ông phi c thông báo n c ông có quy n đ h p i h i ng c ông trong th i h n m i l m ngày, k t ngày quy t nh c thông qua, ho c c ng t i trên trang thông tin i n t c a Công ty.

i u 21. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông

1. H i ng qu n tr có quy n l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông b t c lúc nào n u xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty (tr các n i dung quy nh t i Kho n 2, i u 20 i u l này phi c bi u quy t thông qua t i cu c h p i h i ng c ông). Tr ng h p thông qua quy t nh đ i hình th c l y ý ki n b ng v n b n thì quy t nh c a i h i ng c ông c thông qua n u c s c ông i di n ít nh t 51% t ng s phi u bi u quy t ch p thu n.

2. H i ng qu n tr phi chu n b phi u l y ý ki n, đ th o quy t nh c a i h i ng c ông và các tài li u gi i trình đ th o quy t nh. Phi u l y ý ki n kèm theo đ th o quy t nh và tài li u gi i trình phi c g i b ng ph ng th c b o m n c a ch th ng trú c a t ng c ông. H QT phi m b o g i, công b tài li u cho các c ông trong m t th i gian h p lý xem xét bi u quy t và phi g i ít nh t m i l m (15) ngày tr c ngày h t h n nh n phi u l y ý ki n.

3. Phi u l y ý ki n phi có các n i dung ch y u sau ây:

a) Tên, a ch tr s chính, mã s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, n i ng ký doanh nghi p c a Công ty;

b) M c ích l y ý ki n;

c) H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s th c n c c, gi y ch ng minh nhân dân, h chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ông là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s quy t nh thành l p, a ch tr s chính c a c ông là t ch c ho c h , tên, a ch hir th ng trú, qu c t ch, s th c n c c, gi y ch ng minh nhân dân, h chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp

khác cá nhân đi n theo quy n c a c ông là t ch c; s l ng c ph n c a t ng lo i và s phi u bi u quy t c a c ông;

d) V n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;

) Ph ng án bi u quy t bao g m tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n l y ý ki n;

e) Th i h n ph i g i v Công ty phi u l y ý ki n ã c tr l i;

g) H , tên, ch ký c a Ch t ch H QT và ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty;

h) Phi u l y ý ki n ã c tr l i phi có ch ký c a c ông là cá nhân, c a ng i i di n theo quy n ho c ng i i di n theo pháp lu t c a c ông là t ch c;

4. Công có th g i phi u l y ý ki n ã tr l i n Công ty theo m t trong các hình th c sau ây:

a) G i th . Phi u l y ý ki n ã c tr l i phi có ch ký c a c ông là cá nhân, c a ng i i di n theo quy n ho c ng i i di n theo pháp lu t c a c ông là t ch c. Phi u Phi u l y ý ki n g i v Công ty phi c ng trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi ki m phi u.

b) G i Fax ho c th i n t . Phi u l y ý ki n g i v Công ty qua Fax ho c th i n t phi c gi bí m t n th i i m ki m phi u. Các phi u l y ý ki n g i v Công ty sau th i h n ã xác nh t i n i dung phi u l y ý ki n ho c ã b m trong tr ng h p g i th và b t i t l trong tr ng h p g i Fax, th i n t là không h p l . Phi u l y ý ki n không c g i v c coi là phi u không tham gia bi u quy t;

5. H i ng qu n tr t ch c ki m phi u và l p biên b n ki m phi u d i s ch ng ki n c a Ban ki m soát ho c c a c ông không n m gi ch c v qu n lý Công ty. Biên b n ki m phi u phi có các n i dung ch y u sau ây:

a) Tên, a ch tr s chính, mã s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, n i ng ký doanh nghi p;

b) M c ích và các v n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;

c) S c ông v i t ng s phi u bi u quy t ã tham gia bi u quy t, trong ó phân bi t s phi u bi u quy t h p l và s bi u quy t không h p l và ph ng th c g i bi u quy t, kèm theo ph l c danh sách c ông tham gia bi u quy t;

d) T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n ;

) Các v n ã c thông qua;

e) H , tên, ch ký c a Ch t ch H QT, ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty và c a ng i giám sát ki m phi u;

Các thành viên H i ng qu n tr và ng i ki m phi u, giám sát ki m phi u phi liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n

ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác;

6. Biên b n k t qu ki m phi u ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n 24 gi , tr ng h p Công ty ch a có website thì ph i c g i n các c ông trong th i h n m i l m (15) ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u

7. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

8. Ngh quy t, quy t nh c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n có giá tr nh Ngh quy t, quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

i u 22. Biên b n h p i h i ng c ông

1. Cu c h p i h i ng c ông ph i c ghi vào s biên b n c a Công ty, có th c ghi âm ho c ghi và l u gi d i hình th c i n t khác. Biên b n ph i l p b ng t i ng Vi t, có th c b ng t i ng n c ngoài và ph i có các n i dung theo quy nh t i i u 146 Lu t doanh nghi p, có ch ký c a Ch t a i h i và Th ký

2. Biên b n h p i h i ng c ông ph i làm xong và thông qua tr c khi b m c cu c h p; ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n 24 gi , tr ng h p Công ty ch a có website thì ph i c g i n t t c c ông trong th i h n m i l m (15) ngày, k t ngày b m c cu c h p.

3. Ch to và th ký cu c h p ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a n i dung biên b n, ch u trách nhi m t ch c l u tr các biên b n i h i ng c ông

4. Biên b n h p i h i ng c ông, các b n ghi chép, s ch ký c a các c ông d h p và v n b n u quy n tham d , toàn v n ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo thông báo m i h p ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

5. Biên b n h p i h i ng c ông c coi là b ng ch ng xác th c v nh ng công vi c ã c t i n hành t i i h i ng c ông tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n c a ra theo úng th t c quy nh trong vòng m i (10) ngày k t khi g i biên b n.

i u 23. Yêu c u h y b ngh quy t c a i h i ng c ông

Trong th i h n 90 ngày, k t ngày nh n c biên b n h p i h i ng c ông ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ông, c ông, nhóm c ông quy nh t i Kho n 3, i u 11 i u l này có quy n yêu c u Toà án ho c Tr ng tài xem xét, hu b ngh quy t ho c m t ph n c a ngh quy t c a i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

1. Trình t và th t c tri u t p h p i h i ng c ông không th c hi n úng theo quy nh c a Lu t doanh nghi p và i u l Công ty.

2. Trình t , th t c ra ngh quy t và n i dung ngh quy t vi ph m pháp lu t h o c i u l Công ty.

Tr ng h p ngh quy t c a i h i ng c ông b h y b theo quy t nh c a Tòa án h o c Tr ng tài, ng i tri u t p cu c h p i h i ng c ông b h y b có th xem xét t ch cli i h i ng c ông trong vòng m i l m (15) ngày theo trình t , th t c quy nh t i Lu t doanh nghi p và i u l này.

M c 2:

H I NG QU N TR

i u 24. Thành ph n và nhi m k

1. S l ng thành viên H i ng qu n tr là 05 ng i do i h i c ông b u và bãi mi n. S thành viên H i ng qu n tr c l p h o c không i u hành (i v i Công ty i chúng quy mô l n và công ty niêm y t) ph i chi m ít nh t m t ph n ba (1/3) t ng s thành viên H i ng qu n tr. S l ng t i thi u thành viên H QT không i u hành c l p c xác nh theo ph ng th c làm tròn xu ng. Thành viên H i ng qu n tr không nh t thi t ph i là ng i n m gi c ph n c a Công ty.

2. Nhi m k c a H i ng qu n tr là n m (05) n m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá n m (05) n m; thành viên H i ng qu n tr có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . Tr ng h p có thành viên c b u b sung h o c thay th thành viên b mi n nhi m, bãi nhi m trong th i h n nhi m k thì nhi m k c a thành viên ó là th i h n còn l i c a nhi m k H i ng qu n tr .

3. H i ng qu n tr c a nhi m k v a k t thúc t i p t c h o t ng cho n khi H i ng qu n tr m i c b u và t i p qu n công vi c.

4. Các thành viên c a H i ng qu n tr do các c ông c theo t l s h u c ph n c a c ông. Các c ông c quy ng p t l s h u c ph n vào v i nhau b phi u c các thành viên H i ng qu n tr .

5. Gi i thi u, c vào H i ng qu n tr

Các c ông n m gi ít h n 5% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu (06) tháng có quy n g p s phi u bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các ng viên H i ng qu n tr . C ông h o c nhóm c ông n m gi t 5% n d i 20% t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) ng viên; t 20% n d i 50% c c t i a hai (02) ng viên; t 50% n d i 65% c c t i a ba (03) ng viên; t 65% tr lên c c s ng viên.

6. Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên h o c t ch c c theo m t c ch do Công ty quy nh. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c

viên Hội đồng quản trị phải công bố rõ ràng và phải công bố thông tin hành động.

7. Một thành viên HĐQT sẽ không còn tính cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a) Không tính cách làm thành viên HĐQT nếu theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc luật pháp khác làm thành viên HĐQT;

b) Bị sa thải hoặc thôi việc chính thức của Công ty;

c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

d) Về mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chắc chắn sẽ vắng mặt trong thời gian này;

e) Bị bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định của Hội đồng;

f) Không còn là chủ tịch theo quy định của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật;

g) Là chủ tịch theo quy định của Công ty hoặc theo pháp luật, nhưng chắc chắn không còn là chủ tịch của Công ty nữa.

8. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới thay thế chức vụ bị mất phát sinh trong HĐQT và thành viên này phải chấp thuận Hội đồng ngay lập tức sau đó. Sau khi chấp thuận Hội đồng, Hội đồng chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới sẽ có hiệu lực vào ngày Hội đồng chấp thuận. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực kể từ thời điểm Hội đồng chấp thuận. Trong trường hợp thành viên mới không chấp thuận Hội đồng chấp thuận, Hội đồng quy định của HĐQT cho chức vụ này miễn nhiệm Hội đồng có sự tham gia bầu quyết định thành viên HĐQT thay thế và Hội đồng có hiệu lực.

9. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về kế toán và thủ tục kế toán.

Điều 25. Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo của HĐQT. Hội đồng quản trị là cơ quan có quyền hạn thực hiện tất cả các quy định nhân danh Công ty trừ những quy định của Hội đồng.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Quy định và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, nội luật, các quy định nội bộ của Công ty và quy định của chính quyền công quy định. Chính, HĐQT có những quy định và nhiệm vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hàng năm cho chiến lược phát triển Công ty, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn trên cơ sở các mục tiêu chiến lược của chính quyền công thông qua;

b) Quy định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;

c) Bổ nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chức vụ, quy định mức lương và lợi ích khác của Giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Công ty và theo nghĩa của Giám đốc; Quy định nội dung nội địa thị trường quy định sự phân bổ vốn góp công ty khác cùng với mục tiêu lao động và lợi ích khác của nhân viên. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý Công ty không trái với các quy định theo hợp đồng của nhân viên bị bãi nhiệm (nếu có).

d) Quy định cấu trúc, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quy định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng nội địa của Công ty; Quy định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác và việc giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất để kiểm toán theo nghĩa của Giám đốc Công ty;

e) Xuất phát từ các lợi ích, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

f) Giám đốc quy định các điều kiện của Công ty về việc cán bộ quản lý công nhân quy định của nhân nội địa của Công ty giám đốc quy định các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý của nhân nội địa của nhân nội địa;

g) Xuất các loại chi phí có thể phát hành và tổng số chi phí phát hành theo từng loại; Quy định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số phần của quy định chào bán của từng loại; quy định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quy định tiến hành huy động vốn nội địa của Công ty; Quy định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 điều 130 Luật doanh nghiệp.

h) Xuất phát từ việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chức năng quy định cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá nhất định; Quy định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chức năng khoản chuyển đổi trong trường hợp chính quyền công quy định;

i) Xuất mặt cắt hàng năm và xác định mặt cắt thị trường; thực hiện việc chi trả cổ tức; quy định thị trường và thủ tục trả cổ tức cho các lý do phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quy định phương án đầu tư và đầu tư trong thẩm quyền và giám sát theo quy định của nội luật này và Luật doanh nghiệp;

l) Quy định giám sát phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m) Chấp thu các hợp đồng và giao dịch ký giữa Công ty và nhà cung cấp quy định tại khoản 1, điều 162 của Luật doanh nghiệp có giá trị không vượt quá 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS và các liên quan về nội dung hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo danh sách nội dung chi yếu của giao dịch. HĐQT quy định về chấp thu hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị không vượt quá 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng về nội dung và giao dịch quy định tại Điều 1, Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp.

o) Duy trì trình tự, nội dung tài liệu phê duyệt Hội đồng, trình tự phê duyệt Hội đồng hoặc lý do ký duyệt Hội đồng thông qua quy định;

p) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đã kiểm toán lên Hội đồng;

q) Báo cáo Hội đồng bởi vị trí HĐQT nhiệm vụ Giám đốc.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:

a) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật doanh nghiệp và trình hợp quy định tại Điều 1, khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Hội đồng phê duyệt, Hội đồng quản trị tùy thuộc thẩm quyền quy định về thẩm quyền, số lượng và hình thức của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);

b) Việc chuyển và bãi nhiệm nhà quản lý của Công ty nhiệm là đại diện giám đốc và luật sư của Công ty;

c) Việc vay nợ và việc thế chấp các khoản thanh toán, bảo lãnh và bảo hiểm của Công ty;

d) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá giá trị kế hoạch;

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty từ nhà quản lý công ty khác thành lập Việt Nam hay nước ngoài;

f) Việc nhả giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu đất đai, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

g) Việc Công ty mua hoặc thuê tài sản không quá 10% cổ phần theo tổng số, bao gồm cả giá mua hoặc thuê tài sản;

h) Các văn kiện kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quy định nếu không phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quy định và trách nhiệm của mình;

i) Quy định mức giá mua hoặc giá bán của Công ty.

5. HĐQT phải báo cáo chi phí công việc hoặc công việc của mình, có thể là vì việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho chi phí công việc, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ coi là không có giá trị và chấp thuận của HĐQT thông qua.

6. HĐQT có thể quy định cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đi xin lý lịch công việc thay mới cho Công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. HĐQT thông qua quy định bằng biểu quyết tập thể cụ thể, lý do kinh doanh văn bản hoặc hình thức khác. Mọi thành viên HĐQT có mặt phải biểu quyết.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nội quy Công ty và quy định của chi phí công việc. Trong trường hợp quy định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nội quy Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quy định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quy định đó và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty; thành viên phải thông qua quy định nói trên miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, công việc của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất sáu tháng có quy định yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quy định nói trên.

9. Các thành viên HĐQT (không tính các đi xin công việc quy định thay thế) sẽ nhận thù lao cho công việc của mình với cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT do chi phí công việc quy định. Thù lao của thành viên HĐQT sẽ tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp và phải được ghi nhận thành mức riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo chi phí công việc hàng năm.

10. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quy định mua của phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đi xin phần văn góp phần công bố chi tiết trong báo cáo hàng năm của Công ty.

11. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan niệm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao đi xin đi xin công việc gói theo từng lần, lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc đi xin hình thức khác theo quy định của HĐQT.

12. Thành viên HĐQT có quyền thanh toán tất cả các chi phí lãi, nợ và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc đi tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc hội nghị công đồng.

Điều 26. Chế độ chi trả lương của thành viên HĐQT

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn và bổ nhiệm thành viên HĐQT làm Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Hội đồng quy định khác, Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm chức Giám đốc của Công ty. Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm từ Hội đồng công đồng thường niên.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 152 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và Chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết của HĐQT;
- d) Giám sát quá trình thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
- e) Chủ tọa cuộc họp HĐQT, cuộc họp Hội đồng công đồng;
- f) Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Giám đốc Công ty

3. Chủ tịch HĐQT quản trị có trách nhiệm điều phối, chỉ đạo việc thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT Công ty.

4. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các công ty liên hệ Hội đồng công đồng;

5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT quản trị tổ chức hoặc bãi miễn, Hội đồng quản trị phải báo cáo thay thế trong thời hạn một tháng.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp của Chủ tịch HĐQT.

Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT được bầu ra Chủ tịch HĐQT và ra các quy định khác theo thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp HĐQT nhiệm kỳ trước. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc ngẫu nhiên trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp khác.

Chức vụ Hội đồng Quản trị hoặc người đại diện Hội đồng Quản trị và gửi thông báo mời họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp, lập chương trình nghị sự, xác nhận thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quy trình. Chức vụ Hội đồng Quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thay đổi cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường.

Chức vụ Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường khi thay đổi cần thiết vì lợi ích của Công ty, không chờ đợi hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các điều kiện dưới đây xảy ra bất kỳ trong bất kỳ phiên họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Có nghị quyết của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b) Có nghị quyết của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có nghị quyết của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị;
- d) Các trường hợp khác do Hội đồng Quản trị công ty quy định.

Chương trình họp thành phiên họp, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quy trình thu thập quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 3 của Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày sau khi có xuất phát. Trường hợp Chức vụ Hội đồng Quản trị không chấp thuận triệu tập họp theo nghị quyết thì Chức vụ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra với Công ty; nhưng người nghị quyết chấp họp của Hội đồng Quản trị Khoản 3 của Điều này có thể triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chức vụ Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bàn và báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp.

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ tiến hành bằng văn bản ký của Công ty hoặc bằng văn bản khác. Việt Nam theo quy định của Chức vụ Hội đồng Quản trị và sơ đồ tổ chức của Hội đồng Quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp.

Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất 05 ngày trước khi triệu tập họp, đồng thời gửi các thành viên Ban kiểm soát hoặc Giám đốc Công ty không phải là thành viên Hội đồng Quản trị; các thành viên Hội đồng Quản trị có thể chỉ thông báo mời họp bằng văn bản và việc triệu tập này có thể có hiệu lực tức thì. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải làm bằng văn bản và gửi Việt Nam và phải thông báo về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề cần bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và các phụ lục quy định của thành viên Hội đồng Quản trị.

Thông báo miệng hoặc gửi bằng bưu điện, fax, điện thoại hoặc phương tiện khác, nhưng phải báo miệng cho thành viên Hội đồng quản trị công ty.

8. Sự thành viên tham dự đại hội.

a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này chỉ được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên được họp hoặc thông qua nghị quyết (nghị quyết của quy định).

b) Trường hợp cuộc họp bất thường theo quy định của khoản này không có thành viên được họp theo quy định, thì cuộc họp tại hai trong ba thành viên (07) ngày, kể từ ngày được họp tại hai thành viên. Trong trường hợp này, cuộc họp của đại hội năm có hạn mà thành viên Hội đồng quản trị được;

c) Nếu không có sự đồng ý của thành viên như vậy thì cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ có thể tiến hành vào ngày làm việc tiếp theo cùng một địa điểm và cùng thời gian, khi đó cuộc họp Hội đồng quản trị luôn là họp mà không phải thu thập sự đồng ý của thành viên tham dự.

9. Biểu quyết.

a) Trường hợp quy định tại Điều 9 của Luật này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết của quy định tại Điều lệ có một phiếu cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên đó hoặc nghị quyết liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị không tính vào sự đồng ý biểu quyết tại đại hội chỉ có thể thực hiện một cuộc họp Hội đồng quản trị về nghị quyết như mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điều 9 của Luật này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên mà nghị quyết đó không có gì quyết định bằng sự đồng ý của quy định của thành viên Hội đồng quản trị đó, như nghị quyết phát sinh đó sẽ chuyển tới cuộc họp và phán quyết của chủ thể liên quan tới các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cùng, trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan của công ty;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hàng loạt mà theo quy định tại Điều 1 của Luật Doanh nghiệp sẽ coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng.

10. Công khai lợi ích.

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc lợi ích mà theo hợp đồng giao dịch đã ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công

ty và bi t là mình có l i ích trong ó, s ph i công khai b n ch t, n i dung c a quy n l i ó trong cu c h p mà H i ng qu n tr l n u tiên xem xét v n ký k t h p ng ho c giao d ch này. Tr ng h p m t thành viên H QT không bi t b n thân và ng i liên quan có l i ích vào th i i m h p ng, giao d ch c ký v i Công ty, thành viên H QT này ph i công khai các l i ích liên quan t i cu c h p u tiên c a H i ng qu n tr c t ch c sau khi thành viên này bi t r ng mình có l i ích ho c s có l i ích trong giao d ch ho c h p ng liên quan.

11. Bi u quy t a s .

Quy t nh c a H i ng qu n tr c thông qua n u c a s (trên 50%) thành viên đ h p ch p thu n. Tr ng h p s phi u tán thành và ph n i ngang nhau thì quy t nh cu i cùng thu c v phía có ý ki n c a Ch t ch H i ng qu n tr .

12. Vi c b phi u c a ng i v ng m t.

Thành viên không tr c ti p đ h p có quy n bi u quy t thông qua b phi u b ng v n b n b phi u i n t ho c hình th c i n t khác. Phi u bi u quy t b ng v n b n ph i ng trong phong bì kín và ph i c chuy n n Ch t ch H i ng qu n tr ch m nh t m t gi tr c gi khai m c. Phi u bi u quy t ch c m tr c s ch ng ki n c a t t c nh ng ng i đ h p.

13. H p trên i n tho i ho c các hình th c khác.

Cu c h p c a H QT có th t ch c theo hình th c ngh s gi a các thành viên c a H i ng khi t t c ho c m t s thành viên ang nh ng a i m khác nhau v i i u ki n là m i thành viên tham gia h p u có th :

a) Nghe t ng thành viên H i ng khác cùng tham gia phát bi u trong cu c h p;

b) N u mu n, ng i ó có th phát bi u v i t t c các thành viên tham đ khác m t cách ng th i.

Vi c trao i gi a các thành viên có th th c hi n m t cách tr c ti p, qua i n tho i ho c b ng ph ng t i n liên l c thông tin khác (k c v i c s đ ng ph ng t i n này đ i n ra vào th i i m thông qua i u l hay sau này) ho c là k t h p t t c nh ng ph ng th c này. Theo i u l này, thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p nh v y c coi là “có m t” t i cu c h p ó. a i m cu c h p c t ch c theo quy nh này là a i m mà nhóm thành viên H i ng qu n tr ông nh t t p h p l i, ho c n u không có m t nhóm nh v y, là a i m mà Ch to cu c h p hi n đ i n.

Các quy t nh c thông qua trong m t cu c h p qua i n tho i c t ch c và t i n hành m t cách h p th c s có hi u l c ngay khi k t thúc cu c h p nh ng ph i c kh ng nh b ng các ch ký trong biên b n c a t t c thành viên H i ng qu n tr tham đ cu c h p này.

14. Ngh quy t b ng v n b n.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của các thành viên HĐQT có quy định quy định Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết của các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp trực tiếp và thực hiện theo thông lệ.

15. Biên bản cuộc họp HĐQT.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng cho các thành viên và những biên bản có sự phiến diện xem như những biên bản xác thực về công việc đã tiến hành trong các cuộc họp trước khi có ý kiến phản biện nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT của công ty, có các nội dung chi tiết theo Điều 154 Luật doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản của công ty thành lập và mời biên bản có chữ ký ít nhất của 01 thành viên HĐQT tham gia cuộc họp và có đóng dấu của Công ty. Cuộc họp HĐQT có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

16. Những người có mặt họp định kỳ.

Chủ tịch Hội đồng, Giám đốc điều hành, các thành viên Ban kiểm soát, những người quản lý khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng) và các chuyên gia tham gia bên ngoài có thể được mời họp HĐQT theo lịch mời của Hội đồng những người không có quy định trong khi bản thân họ có quy định của quy định những thành viên Hội đồng.

17. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quy định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quy định của tiểu ban, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đưa ra. Các quy định này có thể ủy quyền hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người có thẩm quyền ủy quyền vị trí các thành viên của tiểu ban như (a) phải mời bổ sung thêm thành viên bên ngoài ít nhất một thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có các thành viên tham dự và ủy quyền vị trí phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

18. Giá trị pháp lý của hành động.

Các hành động thực hiện quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có thẩm quyền thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể từ trong trong trường hợp vì bất cứ lý do gì thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Mục 3:

GIÁM ĐỐC CÔNG TY,

CÁN B QUẢN LÝ KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY

đ u 28. Th c b máy qu n lý

Công ty thi t l p và ban hành m t h th ng qu n lý mà theo ó b máy qu n lý s ch u trách nhi m và tr c thu c s lãnh o c a H QT. Công ty có m t Giám c, m t s Phó giám c i u hành và m t K toán tr ng và các ch c danh qu n lý khác theo Quy ch qu n lý do H QT b nhi m. Vi c b nhi m, mi n nhi m các ch c danh nêu trên ph i c th c hi n b ng ngh quy t H QT c thông qua m t cách h p th c. Giám c và các Phó giám c Công ty có th ng th i cùng là thành viên H QT.

đ u 29. Cán b qu n lý

1. Theo ngh c a Giám c và c s ch p thu n c a H i ng qu n tr , Công ty c quy n t u y n d ng, s d ng cán b qu n lý c n thi t v i s l ng và ch t l ng phù h p v i c c u và c ch qu n lý công ty. Cán b qu n lý ph i có s m n cán c n thi t các ho t ng và t ch c c a Công ty t c các m c tiêu ra.

2. M c l ng, ti n thù lao, l i ích và các ch chính sách khác i v i Giám c Công ty s do H i ng qu n tr quy t nh

3. M c l ng, ti n thù lao, l i ích và các i u kho n khác trong h p ng lao ng i v i cán b qu n lý khác s do H QT quy t nh trên c s xu t c a Giám c.

4. Ti n l ng c a Giám c và cán b qu n lý khác c a Công ty c tính vào chi phí kinh doanh c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t v thu thu nh p doanh nghi p và ph i c th hi n thành m c riêng trong báo cáo tài chính hàng n m c a Công ty, ph i báo cáo i h i ng c ô ng th ng niên.

đ u 30. B nhi m, bãi mi n, nhi m v và quy n h n c a Giám c

1. B nhi m.

H QT b nhi m m t thành viên trong H i ng ho c m t ng i khác làm Giám c Công ty và s ký h p ng quy nh m c l ng, thù lao, l i ích và các i u kho n khác liên quan. Thông tin v m c l ng, tr c p, quy n l i c a Giám c Công ty ph i c báo cáo trong i h i ng c ô ng th ng niên và c nêu trong báo cáo th ng niên c a Công ty.

2. Nhi m k .

Nhi m k c a Giám c là 05 n m tr khi H QT có quy nh khác và có th c tái b nhi m.

3. Tiêu chu n.

Giám c Công ty ph i có tiêu chu n theo đ i u 65 Lu t doanh nghi p và không c phép là nh ng ng i b pháp lu t c m gi ch c v này, t c là nh ng ng i v thành niên, ng i không n ng l c hành vi, ng i ã b k t án tù, ng i ang thi hành hình ph t tù, nhân viên l c l ng v trang, các cán b công ch c nhà

n c và ng i ã b phán quy t là ã làm cho Công ty mà h t ng lãnh o tr c
ây b phá s n.

4. Quy n h n và nhi m v .

a) Th c hi n các ngh quy t, quy t nh c a H QT và i h i ng c
ông; t ch c th c hi n k ho ch kinh doanh và k ho ch u t c a Công ty ã
c H QT và i h i ng c ông thông qua;

b) Quy t nh t t c các v n không thu c th m quy n ho c c n ph i có
ngh quy t c a H i ng qu n tr , thay m t Công ty ký k t các h p ng và giao
d ch tài chính và th ng m i theo th m quy n ho c các h p ng, giao d ch ã
c H QT, i h i ng c ông thông qua theo quy nh c a i u l này, t
ch c và i u hành ho t ng s n xu t kinh doanh th ng nh t c a Công ty theo
nh ng thông l qu n lý t t nh t;

c) ngh H i ng qu n tr b nhi m, mi n nhi m, cách ch c ho c ký
h p ng, ch m d t h p ng, khen th ng, k lu t, cho ngh ch , quy t
nh m c l ng c a Phó giám c, K toán tr ng Công ty, các cán b qu n lý
khác theo Quy ch qu n lý c a Công ty và c , bãi mi n ng i i di n qu n lý
ph n v n c a Công ty u t doanh nghi p khác;

d) Quy t nh b nhi m, mi n nhi m, cách ch c, khen th ng, k lu t,
x p l ng, cho ngh ch i v i các ch c danh cán b , nhân viên trong Công
ty không thu c di n ph i trình H QT phê chu n (i v i nh ng ch c danh c n
ph i c s thông qua c a H QT thì ch c quy t nh sau khi ã báo cáo
và c H QT thông qua);

) Tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr quy t nh s l ng ng i
lao ng c a Công ty. Tuy n d ng lao ng, ký k t h p ng lao ng, b trí s
d ng, quy t nh l ng và ph c p (n u có), khen th ng, k lu t, cho ngh ch
ho c cho thôi vi c ng i lao ng trong Công ty theo quy nh c a pháp lu t
v lao ng và quy ch c a Công ty;

e) ngh H i ng qu n tr quy t nh thành l p, t ch c l i, gi i th các
công ty con, chi nhánh, v n phòng i di n c a Công ty, góp v n mua c ph n
c a doanh nghi p khác.

g) Ki n ngh ph ng án tr c t c ho c x lý l trong kinh doanh; xu t
nh ng bi n pháp nâng cao ho t ng và qu n lý c a Công ty;

h) Xây d ng d th o chi n l c phát tri n, k ho ch phát tri n ng n h n,
trung h n, k ho ch kinh doanh hàng n m, các d án u t , các quy ch qu n lý
n i b c a Công ty trình H QT;

i) Chu n b các b n d toán dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty
(sau ây g i là b n d toán) ph c v ho t ng qu n lý dài h n, hàng n m và
hàng quý c a Công ty theo k ho ch kinh doanh. B n d toán hàng n m (bao
g m c b n cân i k toán, báo cáo k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh và
báo cáo l u chuy n ti n t d ki n) cho t ng n m tài chính s ph i c trình
H i ng qu n tr thông qua và ph i bao g m nh ng thông tin quy nh t i các
quy ch c a Công ty;

k) Chấm dứt vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc chịu trách nhiệm trình HĐQT phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm;

l) Thể hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Giám đốc chịu trách nhiệm và pháp luật;

m) Có quyền chỉ định hoặc bãi nhiệm quy định của Điều lệ hay thành viên HĐQT nếu người này vi phạm pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Hội đồng; người bị bãi nhiệm phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;

n) Chịu quy định các biện pháp vật chất quy định của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm về các quy định này, người bị bãi nhiệm phải báo cáo ngay cho HĐQT;

o) Thể hiện trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty quy định tại Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

5. Báo cáo lên HĐQT và các cơ quan.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trình HĐQT và Hội đồng cơ quan về việc thực hiện nhiệm vụ và quy định của giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi có yêu cầu.

6. Bãi nhiệm.

HQĐT có thể bãi nhiệm Giám đốc Công ty khi có đa số (trên 50%) thành viên HĐQT đồng ý bãi nhiệm. Giám đốc Công ty bị bãi nhiệm có quyền khiếu nại và đề nghị Hội đồng cơ quan tiếp nhận khiếu nại theo quy định.

7. Trách nhiệm hoàn thành.

a) Khi miễn nhiệm, Giám đốc Công ty phải có báo cáo HĐQT. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhậm chức, HĐQT phải xem xét và quyết định.

b) Giám đốc Công ty miễn nhiệm cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc từ chối nhiệm vụ 3 ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải miễn nhiệm ngay và thông báo cho cơ quan chức năng trong thời hạn 30 ngày và tiến hành các thủ tục bãi nhiệm Giám đốc.

8. Ủy quyền, ủy nhiệm.

a) Giám đốc Công ty có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho các Phó giám đốc hoặc người khác thay mình giải quyết một số phần việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm đó;

b) Người ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc Công ty và pháp luật về những công việc mình làm;

c) Sự ủy quyền, ủy nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải có thể hiện bằng văn bản và có thời hạn;

Điều 31. Thủ ký Công ty

1. Hội đồng quản trị thành lập một hoặc nhiều người làm Thủ ký Công ty và nhiệm vụ và trách nhiệm của họ, quy định và nhiệm vụ của Thủ ký Công ty theo quy định của Hội đồng, người có thể bãi nhiệm Thủ ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nếu không trái với các quy định pháp luật lao động hiện hành.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thủ ký Công ty bao gồm:

a) Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng, Ban kiểm soát và ghi chép công việc theo yêu cầu của Hội đồng hoặc Ban kiểm soát;

b) Làm biên bản các cuộc họp;

c) Tiếp nhận và chuyển các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Đảm bảo các quy định của Hội đồng phù hợp với luật pháp.

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

3. Thủ ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và nội bộ Công ty.

Mục 4:

BAN KIỂM SOÁT

Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên do Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là công nhân viên lao động của Công ty. Thành viên Ban kiểm soát phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc bất kỳ một thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty và phải có họ tên của thành viên trong sổ đăng ký của Ủy ban.

4. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Tri u t p và ch ì tr ì cu c h p Ban ki m soát;
- b) Yêu c u H QT, Giám c ì u hành và các cán b qu n lý khác cung c p các thông tin liên quan báo cáo các thành viên c a Ban ki m soát;
- c) L p và ký báo cáo c a Ban ki m soát sau khi ã tham kh o ý ki n c a H ì ng qu n tr ình lên ì h ì ng c ông;

5. Gi ì thi u, c vào Ban ki m soát.

Các c ông n m gi ít h n 5% s c ph n có quy n bi u quy t trong th ì h n liên t c ít nh t sáu (06) tháng có quy n g p s phi u bi u quy t c a t ng ng ì l i v i nhau c các ng viên Ban ki m soát. C ông ho c nhóm c ông n m gi t 5% n d ì 20% t ng s c ph n có quy n bi u quy t c c m t (01) ng viên; t 20% n d ì 50% c c t i a hai (02) ng viên; t 50% n d ì 65% c c t i a ba (03) ng viên; t 65% tr lên c c s ng viên.

6. Tr ñng h p s l ñng các ng viên Ban ki m soát thông qua c và ng c v n không s l ñng c n thi t, Ban ki m soát ñng nhi m có th c thêm ng viên ho c t ch c c theo c ch c Công ty quy nh t i quy ch n i b v qu n tr Công ty. C ch ban ki m soát ñng nhi m c ng viên Ban ki m soát ph ì c công b rõ ràng và ph ì c ì h ì ng c ông thông qua tr c khi ti n hành c .

7. Thành viên Ban ki m soát không còn t cách thành viên trong các tr ñng h p sau:

a) Thành viên ó b pháp lu t c m làm thành viên Ban ki m soát ho c không còn tiêu chu n và ì u ki n làm Ki m soát viên theo quy nh t i ì u 164 Lu t doanh nghi p.

b) Thành viên ó t ch c b ng m t v n b n thông báo c g i n tr s chính cho Công ty;

c) Thành viên ó b r i lo n tâm th n và các thành viên khác c a Ban ki m soát có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng ì ó không còn n ng l c hành vi dân s ;

d) Thành viên ó không th c hi n ngh a v c a mình, v ng m t không tham d các cu c h p c a Ban ki m soát liên t c trong vòng sáu tháng liên t c, và trong th ì gian này Ban ki m soát không cho phép thành viên ó v ng m t và ã phán quy t r ng ch v c a ng ì này b b tr ng;

e) Thành viên ó b mi n nhi m thành viên Ban ki m soát theo quy t nh c a ì h ì ng c ông do không hoàn thành nhi m v ho c vi ph m nhi u l n ngh a v c a thành viên Ban ki m soát theo quy nh c a Lu t doanh nghi p và ì u l này

f) Không còn là ì ñi n theo u quy n c a c ông là t ch c theo quy t nh c a t ch c ó;

g) Là ì ñi n theo u quy n c a c ông là t ch c, nh ng t ch c ó không còn là c ông c a Công ty n a.

8. Ban kiểm soát có thể đề nghị thay thế thành viên Ban kiểm soát khi có chứng cứ phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận từ Hội đồng ngay từ sau đó. Sau khi Hội đồng chấp thuận, việc thay thế thành viên mới đó sẽ coi là có hiệu lực vào ngày Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát mới tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực kể từ ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp thành viên mới không được Hội đồng chấp thuận, mới quy định của Ban kiểm soát cho nên trở thành vô hiệu thì Hội đồng có sự tham gia bầu quy định của thành viên Ban kiểm soát thay thế và coi là có hiệu lực.

9. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị từ chối Hội đồng xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đang nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

10. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa bầu thì Ban kiểm soát cũ hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 33. Quy định và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Quy định và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều này, chủ yếu là những quy định hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng trong việc thực hiện các nhiệm vụ giao;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ trung thực trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Thẩm định tính ý, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Hội đồng giám đốc từ khi lập thành niên;

d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;

e) Xem xét sơ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nhu cầu xét thấy cần thiết hoặc theo quy định của Hội đồng hoặc theo yêu cầu của Hội đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều này;

e) Khi có yêu cầu của Hội đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn quy

ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo ghi trình về những vấn đề yêu cầu kiểm tra của Hội đồng quản trị và công đồng có nhóm công đồng có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn của hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

f) Khi nhận được Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng công đồng các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cắt giảm chi phí, chi trả hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc thành viên giám đốc vi phạm quy định của pháp luật về quản lý Công ty quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản về Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

h) Hỗ trợ tài chính công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mức liên quan của nó rút lui hay bất kỳ nhiệm vụ của Công ty kiểm toán độc lập; thông tin về kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; thông tin về những vấn đề khó khăn và tình hình phát hiện các kết quả kiểm toán giả mạo hoặc các sai sót nghiêm trọng mà kiểm toán viên độc lập nêu ra;

i) Xem xét thủ tục của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phân tích của ban quản lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty về các hình thức kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; xem xét những kết quả kiểm tra nội bộ và ý kiến phân tích của ban quản lý Công ty;

k) Ban kiểm soát có quyền sử dụng văn phòng hoặc bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty thực hiện các nhiệm vụ được giao;

l) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Hội đồng công đồng;

m) Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo quy định, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết;

n) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, nội quy và quy định của Hội đồng công đồng;

2. Quyền cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:

a) Thông báo miệng, phiếu lý giải của thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phiếu giải thích của thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức nội bộ của thành viên Hội đồng quản trị.

b) Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

c) Thuyết ký Công ty phải báo cáo mọi chi tiêu toàn bộ của mình sao chép các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo các biên bản họp Hội đồng quản trị, họp hội đồng công sở phải cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo quy định của pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị.

d) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo quy định của pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị.

e) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty liên quan tới sổ sách chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền kiểm tra địa điểm làm việc của các công nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

g) Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chủ trì liên quan đến kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Công ty phải cung cấp cho Ban kiểm soát chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của hội đồng.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai lần mỗi năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp phải là hai người.

4. Thời lượng hoặc mức thù lao và chi phí hoạt động cho thành viên Ban kiểm soát do hội đồng công sở quy định và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải công bố thành một phần riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo hội đồng thường niên. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tiện ích và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát:

a) Tuân thủ đúng pháp luật, nội quy Công ty, quy định của hội đồng công sở và các quy định khác trong các quy định và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quy định và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty và công lợi của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và công lợi Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, hoặc kinh doanh của Công ty, lợi ích cá nhân, chức vụ và tài sản của Công ty để lợi dụng hoặc vì lợi ích cá nhân khác;

d) Trừng phạt vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điều a, b, c của Khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại;

M i thu nh p và l i ích khác mà thành viên Ban ki m soát tr c ti p ho c gián ti p có c do vi ph m ngh a v quy nh t i m c c kho n này u thu c s h u c a Công ty.

e) Tr ng h p phát hi n có thành viên Ban ki m soát vi ph m ngh a v trong th c hi n quy n và nhi m v c giao thì H i ng qu n tr ph i thông báo b ng v n b n n Ban ki m soát; yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m d t hành vi vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu .

M c 5:

B U H I NG QU N TR VÀ BAN KI M SOÁT

ì u 34. B u H i ng qu n tr và Ban ki m soát

1. Các c ông ph thông t nguy n t p h p thành nhóm tho măn các i u ki n quy nh c ng i vào H QT và Ban ki m soát ph i thông báo v vi c h p nhóm cho các c ông d h p bi t ch m nh t ngay khi khai m c cu c h p i h i ng c ông. Công ty s thông báo cho các c ông d h p v thông tin trên t i cu c h p i h i ng c ông.

2. C n c s l ng thành viên H QT và Ban ki m soát, c ông ho c nhóm c ông quy nh t i Kho n 3 ì u 11 c quy n c m t ho c m t s ng i làm ng c viên H QT và Ban ki m soát theo quy nh t i các Kho n 5 ì u 24 và Kho n 5 ì u 32 t ng ng. Tr ng h p s ng c viên c c ông ho c nhóm c ông c th p h s ng c viên mà h c quy n c thì s ng c viên còn l i do H QT, Ban ki m soát và các c ông khác c .

3. Vi c bi u quy t b u thành viên H QT và Ban ki m soát ph i th c hi n theo ph ng th c b u d n phi u, theo ó m i c ông có t ng s phi u bi u quy t t ng ng v i t ng s c ph n s h u ho c i đi n nhân v i s thành viên c b u c a H QT ho c Ban ki m soát và c ông có quy n d n h t ho c m t ph n t ng s phi u b u c a mình cho m t ho c m t s ng c viên.

4. Nh ng ng i trúng c thành viên H QT ho c thành viên Ban ki m soát c xác nh theo s phi u b u tính t cao xu ng th p, b t u t ng c viên có s phi u b u cao nh t cho n khi s thành viên quy nh t i ì u 1 Công ty. Tr ng h p có t 02 ng c viên tr lên t cùng s phi u b u nh nhau cho thành viên cu i cùng c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát thì s ti n hành b u l i trong s các ng c viên có s phi u b u ngang nhau ho c l a ch n theo tiêu chí quy ch b u c .

5. Tr ng h p b u l n th nh t không s l ng thành viên H QT và Ban ki m soát theo quy nh thì ph i ti n hành b u ti p l n hai trong s nh ng ng i ã c c c a l n th nh t còn l i. Tr ng h p khi b u l n th hai v n ch a s l ng quy nh thì i h i ng c ông quy t nh có b u ti p hay không, n u i h i ng c ông không quy t nh c thì ch to i h i quy t nh.

Mục 6:

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 35. Trách nhiệm của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý

Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác đều có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể như nhiệm vụ với cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, quản lý, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và vì lợi ích của thành viên mà họ đang điều hành. Họ có thể miễn nhiệm với trách nhiệm và trong hoàn cảnh nhất định.

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quy định

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lợi ích cho Công ty vì lợi ích cá nhân; họ cũng không được sử dụng những thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích cá nhân để thực hiện cho cá nhân nào khác.

2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể nhận được thông qua các phương tiện kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những điều này nêu trên chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quy định không truy cập vào này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Hội đồng chấp thuận.

4. Họ phải báo cáo giao dịch giữa Công ty với họ hoặc với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, trực tiếp, gián tiếp, hoặc bất cứ cách nào mà thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

a) Nếu họ phải báo cáo giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản cá nhân ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản lý về họ hoặc giao dịch của họ với các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

ng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng các phi vụ tán thành của
những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b) vì vì những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản
được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những người quản trị người
hoặc giao dịch này cần phải quan tâm và lợi ích của các ban quản lý hoặc
thành viên Hội đồng quản trị đã công bố cho các công đồng không có lợi ích
liên quan có quy định quy định rõ, và những công đồng đó đã phi vụ
tán thành hợp đồng giao dịch này;

c) Hợp đồng giao dịch đó có một phần chi tiết về chi phí cho là
công bố và hợp lý xét trên mức độ liên quan của các công đồng của
Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng quản trị
hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các công đồng cho phép thực
hiện, thông qua hoặc phê duyệt.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công
ty, các ban quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên
không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc
tín dụng cho người khác thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 37. Trách nhiệm vụ thi hành và biện pháp

1. Trách nhiệm vụ thi hành.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công
ty và các ban quản lý khác vì phạm nghĩa và hành vi một cách trung thực,
không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sự cản trở, miễn cưỡng và những lý do
chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm vụ hành vi thi hành do hành vi phạm của
mình gây ra.

2. Biện pháp.

Công ty sẽ biện pháp cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành
một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, kiện (bao gồm các vụ việc dân
sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu
người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, các ban quản lý, nhân
viên hoặc là người đi làm của Công ty quy định hoặc người đó đã hoặc đang làm
theo yêu cầu của Công ty với cách thành viên Hội đồng quản trị, các ban quản
lý, nhân viên hoặc là người đi làm theo quy định của Công ty với điều kiện người đó đã
hành vi trung thực, cản trở, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chấp hành lợi ích
cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác
nhận rằng người đó đã phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện
chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo quy định của Công ty,
thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, các ban quản lý, nhân
viên hoặc là người đi làm theo quy định của Công ty của Công ty biện pháp khi
trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, kiện (trừ các vụ kiện
do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. đã hành vi trung thực, cản trở, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu
thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bất thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuế luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thời hạn có hiệu lực coi là mức hợp lý khi ghi quy định này vì chi phí này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người có trách nhiệm bất thường nêu trên.

Chương IV:

QUY ĐỊNH UTRAS SÁCH VÀ H S CÔNG TY

Điều 38. Quy định utras sách và h s

1. Công hoc nhóm công nêu tại khoản 3 điều 11 điều này có quy định tiếp hoc qua ng i c u quy n, g i m t v n b n yêu c u c ki m tra trong gi làm vi c và t i a i m kinh doanh chính c a Công ty danh sách công, các biên bản a i h i ng c ông và sao ch p hoc trích l c các h s ó. Yêu c u ki m tra do i di n c y quy n c a c ông ph i kèm theo gi y y quy n c a c ông mà ng i ó i di n, hoc m t b n sao công ch ng c a gi y y quy n này.

2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác có quy định kiểm tra sổ ng ký công c a Công ty, danh sách công và nh ng s sách và h s khác c a Công ty vì nh ng m c ích liên quan t i ch c v c a mình v i i u ki n các thông tin này ph i c b o m t.

3. Công ty s ph i l u i u l này và nh ng b n s a i, b sung i u l , Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghiệp, các quy ch , các tài li u ch ng minh quy n s h u tài s n, biên bản, ngh quy th p i h i ng c ông và HĐQT, các báo cáo c a HĐQT và Ban kiểm soát, báo cáo tài chính, s sách kế toán và b t c gi y t nào khác theo quy nh c a pháp lu t t i tr s chính hoc m t n i khác v i i u ki n là các c ông và c quan ng ký kinh doanh c thông báo v a i m l u tr các gi y t này.

4. Mọi công u có quy định Công ty c p m t b n i u l Công ty m i n phí (tr ng h p Công ty ch a có website). N u Công ty có m t website, i u l Công ty ph i c công b trên website c a Công ty.

Chương V:

NG ILAO NG, CÔNG OÀN VÀ CÁC T CH C CHÍNH TR - XÃ H I TRONG CÔNG TY

Điều 39. Ng i lao ng, công oàn và t ch c chính tr - xã h i

1. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch HQT thông qua và các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, bù công, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động công nhân quản lý của Công ty và các tổ chức công đoàn công nhân theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý thông thường, thông lệ và chính sách quy định tại Điều này, các quy định của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức Công đoàn Công nhân Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Công đoàn Công nhân Việt Nam.

3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của các tổ chức đó.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không can thiệp, gây khó khăn trong việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty; không can thiệp, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này; tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

Chương VI:

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 40. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước (nếu có) theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ (nếu có) theo quy định, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành thì còn lại các số dư như sau:

a) Chia cổ tức;

b) Trích lập các quỹ theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Mục đích, hình thức chi trả cổ tức hàng năm tối thiểu của Công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do Hội đồng quản trị quy định theo quy định của HQT.

Điều 41. Cổ tức

1. Theo quy định của Hội đồng quản trị và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả tối thiểu cho ngườiถือหุ้น của Công ty nhưng không vượt quá mức HQT quy định và Hội đồng quản trị thông qua.

2. HQT có thể quy định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tín dụng trả hay khoản tín dụng chi trả liên quan tới mặt lợi ích phi úc.

4. HĐQT có thể nghe ý kiến công chúng thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần các khoản nợ và HĐQT là cơ quan thực thi quy định này. Công ty có thể chi trả các khoản nợ, trình tố tụng và thực thi nghĩa vụ chi trả các khoản nợ thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Trường hợp trả hay nhận khoản tín dụng khác liên quan tới mặt lợi ích phi úc chi trả nợ tín dụng, Công ty sẽ phải chi trả nợ tín dụng Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên các thông tin chi tiết về ngân hàng do công chúng cung cấp. Trường hợp Công ty chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công chúng cung cấp mà công chúng không nhận được tín dụng, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tín dụng Công ty chuyển cho công chúng. Việc thanh toán các chi phí về các khoản chi phí niêm yết tại Sổ giao dịch chứng khoán có thể thực hiện hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

6. Các Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, HĐQT thông qua quy định xác định mặt ngày chốt danh sách công chúng. Các theo ngày đó, nhà quản lý ký viết cách công chúng có thể sử dụng các chứng khoán khác quy định như các tài sản, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nghĩa vụ phi úc, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các văn bản khác liên quan phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII:

CHƯƠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận từ các cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành thực hiện các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tín dụng Việt Nam hoặc quốc tế tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Nguồn bổ sung vốn

Công ty có thể bổ sung vốn từ các nguồn theo quy định, trình tố tụng và thực thi bổ sung vốn Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Nhiệm vụ tài chính

Nhiệm vụ tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng kế tiếp hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai cùng năm. Nhiệm vụ tài chính

u tiên b t u t ngày c p gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng M i Hai c a n m ó, n u l n h n 90 ngày; tr ng h p nh h n 90 ngày thì c c ng vào n m tài chính ti p theo.

Đ i u 45. H th ng k toán

1. H th ng k toán Công ty s d ng là H th ng k toán Vi t Nam (VAS) và h th ng k toán áp d ng trong T p oàn công nghi p than - khoáng s n Vi t Nam c B Tài chính ch p thu n.

2. Công ty l p s sách k toán b ng t ng Vi t. Công ty s l u gi h s k toán theo lo i hình c a các ho t ng kinh doanh mà Công ty tham gia. Nh ng h s này ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.

3. Công ty s d ng ng Vi t Nam (ho c ngo i t t do chuy n i trong tr ng h p c c quan nhà n c có th m quy n ch p thu n) làm n v t n t dùng trong k toán.

Ch ng VIII:

BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Đ i u 46. Báo cáo hàng n m, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty ph i l p b n báo cáo tài chính hàng n m theo quy nh c a pháp lu t c ng nh các quy nh c a U ban Ch ng khoán Nhà n c và ph i c ki m toán theo quy nh t i i u 49 i u l này, và trong th i h n 90 ngày k t khi k t thúc m i n m tài chính, ph i n p báo cáo tài chính hàng n m ã c i h i ng c ông thông qua cho c quan thu có th m quy n, U ban ch ng khoán Nhà n c, S giao d ch ch ng khoán (i v i công ty niêm y t), c quan ng ký kinh doanh và T p oàn Công nghi p Than - Khoáng s n Vi t Nam.

2. Báo cáo tài chính hàng n m ph i bao g m báo cáo k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình v l i và l c a Công ty trong n m tài chính và b ng cân i k toán ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình các ho t ng c a Công ty cho n th i i m l p báo cáo, báo cáo l u chuy n t n t và thuy t minh báo cáo tài chính. Tr ng h p Công ty là m t công ty m , ngoài báo cáo tài chính n m, Công ty còn ph i l p b ng cân i k toán t ng h p v tình hình ho t ng c a Công ty và các công ty con vào cu i m i n m tài chính.

3. Công ty ph i l p và công b các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy nh c a U ban ch ng khoán Nhà n c và n p cho U ban ch ng khoán Nhà n c, S giao d ch ch ng khoán (i v i các công ty niêm y t) và T p oàn công nghi p than - khoáng s n Vi t Nam.

4. Bên tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm để các kiểm toán viên có thể tiếp cận các công. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính để kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải công bố trên website đó.

5. Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quy định sao chép báo cáo tài chính hàng năm để kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giấy làm việc của Công ty, tài trợ chính của Công ty và phải trả một phần phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về kế toán và thuế kế toán và của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Điều 48. Công khai thông tin

Công ty phải lập và công bố công khai thông tin theo quy định tại Điều 171 của Luật doanh nghiệp.

Chương IX: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Thời hạn công bố thường niên sơ bộ kết quả kiểm toán công ty kiểm toán chấp thuận, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán chấp thuận và quy định cho HĐQT quy định nội dung kiểm toán trong sơ bộ này thì nên hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những ưu tiên và yêu cầu kiểm toán thu nhập và chi phí. Công ty phải chấp thuận và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán chấp thuận sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán chấp thuận kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Một bên sao của Báo cáo kiểm toán sơ bộ phải gửi kèm với nội dung báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thành viên của kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự các cuộc họp của Hội đồng và các quy định khác các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Hội đồng mà Hội đồng các quy định và các phát biểu ý kiến từ Hội đồng các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương X:

COND U

Đ i u 50. Con d u

1. H i QT thông qua m t con d u chính th c c a Công ty và con d u c kh c theo quy nh c a lu t pháp.
2. H i QT, Giám c i u hành s d ng và qu n lý con d u theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

Ch ng XI:

CH M D T H O T NG VÀ THANH LÝ

Đ i u 51. Ch m d t h o t ng

1. Công ty có th b gi i th h o c ch m d t h o t ng trong nh ng tr ng h p sau:
 - a) Tòa án tuyên b Công ty phá s n theo quy nh c a pháp lu t hi n hành;
 - b) Gi i th theo quy t nh c a i h i ng c ô ng.
 - c) Các tr ng h p khác do pháp lu t quy nh.
2. Vi c gi i th Công ty do i h i ng c ô ng quy t nh, H i ng qu n tr th c hi n. Quy t nh gi i th này ph i thông báo n c quan có th m quy n h o c xin ch p thu n c a c quan có th m quy n (n u th t c ch p thu n này là b t bu c theo quy nh).

Đ i u 52. Thanh lý

1. Ít nh t sáu (6) tháng tr c khi k t thúc th i h n h o t ng c a Công ty h o c sau khi có m t quy t nh gi i th Công ty, H i QT ph i thành l p Ban thanh lý g m 3 thành viên. Hai thành viên trong ó do i h i ng c ô ng ch nh và m t thành viên do H i QT ch nh t m t công ty ki m toán c l p. Ban thanh lý s chu n b các quy ch h o t ng c a mình. Các thành viên c a Ban thanh lý có th l a ch n trong s nhân viên Công ty h o c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý s c Công ty u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhi m báo cáo cho c quan ng ký kinh doanh v ngày mà Ban c thành l p và ngày b t u h o t ng trên th c t . K t th i i m ó, Ban thanh lý s thay m t Công ty trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý Công ty tr c tòa án và các c quan hành chính.
3. Ti n thu c t vi c thanh lý s c thanh toán theo th t sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Ti n l ng và chi phí b o hi m cho công nhân viên;
 - c) Thu và các kho n n p có tính ch t thu mà Công ty ph i tr cho Nhà n c;
 - d) Các kho n vay (n u có);

- e) Các khoản khác của Công ty;
- f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ mà cần trên đây sẽ được phân chia cho các công đồng. Các công đồng ưu tiên thanh toán trước.

Chương XII:

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Tranh chấp phát sinh tranh chấp hay khi nào có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các công đồng phát sinh từ nội bộ hay từ bất cứ quy định nào khác do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, gồm:

- a) Công đồng viên Công ty; hoặc
- b) Công đồng viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty hay cán bộ quản lý;

thì các bên liên quan sẽ cùng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch Hội đồng sẽ chỉ định việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố liên quan đến tranh chấp trong vòng tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc một cơ quan chức năng chuyên môn chuyên môn tư vấn chuyên gia độc lập hành động với cách là trình tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không thể quy định hòa giải trong vòng 6 tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quy định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XIII:

VIỆT KHON THỰC HÀNH

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi nội dung

1. Việc sửa đổi, bổ sung nội dung này phải được Hội đồng xem xét quyết định.

được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XIII:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 55. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm XIII chương và 55 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin nhất trí thông qua ngày 26. tháng 4. năm 2014 tại Văn phòng Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;

- 05 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

CÁC ỦY VIÊN

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

NGUYỄN XUÂN LẬP.....

VŨ TRỌNG TUẤN.....

NGUYỄN TRỌNG TẤN.....

PHẠM CAO NGHĨA.....



Hoàng Minh Hiếu